Năm thứ nhất. — Số 21 Thứ sáu, 31 Octobre 1941

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ III — *Ứng-Hoè Nguyễn Văn-Tố*

Những thành-quách cổ quanh vùng Bắc-ninh (có kèm bản đồ) — *Biệt-Lam Trần Huy-Bá*

Những người Pháp công thần nhà Nguyễn II — *Nguyễn Triệu*

Đại-tây-dương — *Nhật-Nham*

Việc khẩn-hoang ở Nam-kỳ dưới triều Nguyễn — *Tiên-Đàm*

Trịnh-Lệ, người lấy dưới-ươi — *Nhật-Nham*

Trần Can (đăng trọn) — *Phan Khắc-Khoan*

Gìn vàng, giữ ngọc (góp vui) — *Kính-thần Vũ-văn-Lễ*

Những quân đi lừa — *Mạnh-Phan*

Hồn mộng (thơ) — *H. Minh-Tuyền*

Những khuynh-hướng trong văn-học việt-nam cận-đại — *Hoa-Bằng*

Việt-nam văn-học sử (X) — *H. B.*

và nhiều bài khác nữa

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo: 1 năm 6$80 — 6 tháng 3$50 — 3 tháng 1$80

Mỗi số 15 xu

TÒA BÁO ở số nhà 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Những khuynh hướng trong văn học việt nam cận đại

HOA-BẰNG

TRONG vấn-đề « những bước biến-thiên của quốc-văn », ở số 20 trước (1), tôi đã hết sức tóm tắt, phác vạch mấy nét đơn sơ để cung chút tài-liệu khảo-sát về văn-học cận-đại.

Nay thử xét qua những khuynh-hướng trong văn-học việt-nam khoảng hơn nửa thế-kỷ nay, tức từ sau hồi Pháp Nam gặp gỡ :

Sau khi Phan Thanh-Giản rốc cạn chén thuốc độc, đánh dấu một nét quan-trọng trên trang sử văn-học việt-nam : hạng sĩ-phu thức-thời đã phải hàng phục văn-hóa tây-phương một cách tính-cực.

Bấy giờ trong Nam, cũng như ngoài Bắc và Trung-kỳ sau này, sĩ-phu chia làm ba phai :

Không kể phái cực đoan, người ta nhận thấy có phái hợp-tác và phái ẩn-dật.

Phái hợp-tác : Ở Nam, Trương Vĩnh-Ký, Tôn Thọ-Tường... Ở Trung, Bắc-kỳ, Phan Chu-Trinh...

Phái này biết rõ tình-thế của người và của mình muốn thành-thật hợp-tác với Chính-phủ để thâu thái lấy tự-tưởng mới, mở mang trí dân và nâng cao trình-độ dân.

Tờ *Gia-định báo* (ra đời lối năm 1865) của Trương Vĩnh-Ký, bài *Tứ-Thứ qui Tào* của Tôn Thọ-Tường và bức thư *Điều-trần gửi lên Chính-phủ Pháp* của Phan Tây-hồ đều là bằng chứng hợp-tác của phái này đấy.

Còn phái ẩn-dật ? Họ nghĩ mình đã không đủ tài lực để xoay chuyển thời-thế, nên họ ôm chủ-nghĩa «độc thiện», giữ sách một mình, ngày tháng vui cùng nước, mây, hoa, cỏ. Phái này có Nguyễn Đình-Chiểu tức Đồ Chiểu, Phan Văn-Trị (Nam-kỳ), Nguyễn Khoa-Luận (Nam-phố, Thừa-thiên) và Trần Huy-Tích (Dũng-thọ, Hà-nội)...

Văn-học trong hồi này phần nhiều nhuộm một màu sắc bi-quan, vì phái ưu thời mẫn thế chiếm đại đa số, nên họ gieo g ắc tro g quốc-văn một giọng lâm-ly bi tráng, gây thành cái khuynh-hướng gần như chán đời.

●

Hồi năm 1907, ở nước ta, lại láng lan tràn những đợt sóng cổ-động đổi mới. Xô đẩy phong-trào này, có một nhóm trí-thức Trung, Bắc-kỳ đã chịu ảnh-hưởng của mấy nhà học-giả Trung-hoa, Khang Hữu-Vi và Lương Khải-Siêu. Tập văn *Ẩm-băng* do Lương Nhậm-Công viết và cuốn *Dân-ước luận* do người Tàu dịch, sau khi được nhập-cảng vào mảnh đất chữ S này, thật có vang bóng không phải nhỏ.

Vì chịu sức kích thích ấy, văn-học bấy giờ có tính-cách cổ-súy hô hào, chỉ-trích những thói hủ-bại của khoa-cử, khuyên nhau thay cũ đổi mới, tỉnh tao tiến bước cho kịp người. Vậy có thể nói lúc đó văn-học có cái khuynh-hướng mạnh-mẽ cổ-vũ.

●

Ngày 1er Juillet 1917, báo Nam-phong ra đời. Phần chữ hán hòa nhịp với phần quốc-văn, hết sức cổ-động bảo-tồn quốc-túy, điều-hòa tân cựu, đi một con đường ôn hòa và trung-dung.

Hồi ấy, văn xuôi thì phăng-phẳng, viên-hoạt, văn vần thì đạo-mạo và nhuộm vẻ « tính-lý ». Có thể nói văn-học bấy giờ có khuynh-hướng về cổ-điển.

◆

Bấy giờ, thi Hương đã bãi bỏ (Bắc-kỳ từ năm 1915, Trung-kỳ từ năm 1918), trong làng nho đọng lại một thứ « trệ-hóa », tất nhiên họ phải tìm lấy một « thị-trường » để tiêu-thụ dần.

Người biết tìm « thị-trường tiêu-thụ » ấy chính là Tản Đà Nguyễn-khắc-Hiếu. Mà cái « thị-trường » tìm được ấy chính là địa-hạt quốc-văn.

Trái với phái Nam-phong, thi-sĩ Tản-Đà đi riêng con đường « thơ mộng », lần lượt cho ra mắt làng văn những tập *Giấc mộng con* và *Khối tình con*, v.v.

Ban đầu tuy bị phái cổ-điển công-kích, nhưng Tản-Đà cứ cặm-cụi, hì-hục, chiếm riêng một chỗ, nhí-nháy tỉ-mỉ « chạm-trổ » những tác-phẩm tinh-tế, khéo-léo, đầy hoa sói hoa hòe...

Sau vì được nhiều người để ý đến, Tản-Đà đẻ ra được «mầm» khuynh-hướng lãng-mạn trong thi-giới.

Khoảng năm 1925-1926, hai họ Phan về nước, gây thành một phong-trào ái-quốc bồng-bột, nồng-nàn.

Tờ *Thực-nghiệp* được coi như tờ *Agus* thứ hai, vì nó đã tường thuật vụ án chính-trị do Hội-đồng đề-hình xét xử, vì nó hay nói

xem tiếp trang 23

(1) T. T. số 20, trang 2, có mấy chỗ in lầm cần sửa lại là : « *Trước khi có tờ Đông-Tây của Hoàng Tích-Chu, thể văn xuôi, nhất là lối văn viết báo....* » chứ không phải là « Trước hết tờ Đông-tây v. v. ». Cùng bài ấy, chỗ « dần dần khuất bóng trên các mặt báo, » xin đọc là « *dần dần khuất bóng trên mặt các báo* ».

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 3

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

V

Trung thu vấn nguyệt (1)

TẾT thu dạ (2) giời quang mây tạnh (3), chốn lữ-đình (4) giấc tỉnh (5) canh khuya. — Tai nghe văng-vẳng bốn bề. — Gương Nga vằng-vặc soi kề thềm lan (6). — Thấy giăng thêm động (7) lòng vàng. — Ngâm câu « Vấn Nguyệt » mà đoan mấy nhời (8).

Hỏi chị Nguyệt (9) mấy nhời sau trước : — «Duyên cớ sao mà được thảnh - thơi ? » — Nguyệt rằng : « Vật đổi sao đời, — Gương này (10) giời để cho người soi chung. — Làm cho mỏi mắt (11) anh hùng — Nghìn thu băng tuyết (12) một lòng thanh-quang (13)

Hỏi chị Nguyệt có đường lên tới, — Chốn thiềm - cung cách mấy mươi xa (14) ? — Nguyệt rằng : «Ta lại biết ta (15), — Có cây đan-quế, ấy là chị em. — Khách trần (16) thử tới mà xem, — Kìa gương ngọc thỏ, nọ rèm thủy tinh »

Hỏi chị Nguyệt có tình chăng tá, (17)— Chứ niên-hoa (18) phỏng độ nhường bao ? — Nguyệt rằng : «Chút phận tơ đào (19), Càng lên càng tỏ, càng cao càng tròn. — Mảnh gương (20) vằng-vặc chẳng mòn, — Bao nh êu tinh đầu là con cái nhà. »

Hỏi chị Nguyệt Hằng nga mấy tuổi, — Cứ năm năm đến tối thì ra. 21. — Nguyệt rằng : « Ta lại biết ta, (22) — Minh-minh trường dạ, ai là (23) biết ai ? — Vậy nên mở mặt rõ soi (24), — Biết nơi nham-hiểm, biết người (25) tà-gian. »

Nghe Nguyệt nói (26) lòng càng yêu Nguyệt. — Biết lòng ta Nguyệt có hay chăng (27) ?. — Muốn lên cho đến cung giăng. (28) — Kết duyên cho được chị Hằng mới thal — Một giăng với lại một ta. (29), — Biết nhau chỉ có trống ba điểm thùng (30)

Nguyệt thong - thỏ ướm lòng thử hỏi 31 : — « Cõi trần-gian là cõi làm sao ? » — « Cuộc đời xem tựa chiêm bao : — Công, hầu, khanh, tướng xôn-xao trong vòng. — Tranh nhau vì chút 32 hơi đồng, — Cướp nhau 33 vì miếng đỉnh chung của giời »

Nguyệt lại hỏi đến người quân-tử, — Cõi vân-lôi 34 đôi chữ 35 kinh-luân. — Ta rằng : « Có đứng thánh-thần 36, — Ra tay bát loạn 37, đem công trị bình 38 — Còn phường trục lợi 39 tham danh 40 — Trò đời xem cũng ra tình phù xu 41. »

Nguyệt tại hỏi : « Rừng nho 42 mấy kẻ, — Quyết ra tay 43 bẻ quế Tràng-an ? » — Ta rằng : « Cá nước, 44 chim ngàn, — Đời nào chẳng có phượng - hoàng kình-ngư ? » — Ta hỏi Nguyệt ngẩn-ngơ ngơ-ngẩn, — Nguyệt hỏi ta thơ-thẩn thẩn-thơ.

Rèm hoa 45 trước gió phất-phơ, — Gió hiu-hiu thổi, hương đưa ngạt ngào — Canh khuya bóng Nguyệt càng cao 46, — Nguyệt ta, ta Nguyệt biết bao nhiêu tình ! — Mấy câu ngâm chốn lữ-đình 47. — Có ai biết Nguyệt, biết mình hay chăng? 48

(Theo quyển *Việt-túy tham-khảo*, sách viết chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 386, tờ 36a - 37a) 49.

VI

Qua thành cổ

Làm chi lẽo-đẽo ác tha-la ?
Mấy dặm thành xưa đã trải qua.
Lều quạnh phất-phơ rêu khói tỏa,
Mồ không héo-hắt tuyết sương pha.
Công-danh sự cũ bờ rêu khắp,
Vương bá nền xưa bụi cỏ già.
Trải mấy nhân-gian hầu dễ biết,
Thấy còn vơ-vẩn một Hằng-nga.

. . .

Hoa cỏ thành xưa gốc gốc già,
Biết bao xuân lại mấy đông qua ?
Cáo kêu eo-óc giời ban tối,
Quỉ khóc đìu-hiu nguyệt thuở - tà.
Công-nghiệp người xưa hòn đá đứng,
Bá vương nền cũ hạt sương sa.
Dài sao rời-rạc thành-đô ấy,
Ấy của tiên-vương của quốc-gia.

So lường thuở rượu say dừ,
Mấy dặm thành xưa trải qua.
Thỏ dãi lâng sâng mồ lởm-chởm,
Nhạn về lẻ-tẻ, nguyệt tha-la.
Lầu không tiếng địch dù lều khóa,
Cửa mượn giả-lê mặc gió pha.
Vắng hết còn ai mà hỏi được ?
Nào đâu ả Tạ, mụ đài-ca ?

(Theo *Quốc-âm thi-ca tập-lục*, bản viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số sách AB 296, trang 13a-13b (50).

Cải chính. — Ở bài văn-sách *Lấy chồng cho đáng tấm chồng*

Cùng các bạn đọc chưa trả tiền báo

Bản chí xét sổ lại thấy còn nhiều bạn đọc xuốt từ số 1 đến nay vẫn chưa trả tiền báo cho. Vậy giám mong các ngài kíp mua mandat gửi ngay về để tiện việc sổ sách. Đa tạ trước.

TRI-TÂN

đăng trong số 19 ra ngày 17 Octobre 1941, có chữ « *Van* » ở đầu bài in nhầm là « *Vần* », và câu « *thực cũng chung tình ư chồng loan vợ phượng chi duyên* », in nhầm là « *thực cũng chung b h...* », v, v. ; vậy cải-chính cho đúng với bản chữ nôm.

Ở bài thơ *Thằng mõ*, dưới câu « Kim-thanh rền-rĩ khắp đôi nơi », thiếu lời chú-thích như sau này : Quyển *Quốc-văn tùng-ký* (sách của Bác-cổ, số AB 386, bản viết, trang 15b) chép là « Kim-thanh rầm-rĩ khắp đòi nơi ».

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

(Còn nữa)

1) Để theo quyển *Quốc-âm thi-văn tập*, sách của Trường Bác-cổ, số AB 109, tờ 4 a, bản viết bằng chữ nôm. Có bản đề là *Bài ca nói chuyện với mặt giăng*, có bản đề là *Nhân anh nhan nguyệt vấn đáp*, hay *Nhân Nguyệt vấn đáp ca*. Bản quốc-ngữ thì chép theo quyển *Đại-Nam quốc-âm ca-khúc*, *Quốc âm ca-dao*, *Quốc-âm thi-văn tạp* ; chưa có bản nào đem so-sánh với bản chữ nôm chép trong quyển *Việt túy tham-khảo* là bản mà chúng tôi sao lại trên kia. Tuy không khác nhau mấy, song cũng nên kê ra đây, vì đã đi tìm nguyên-văn thì không có bản nào là bản vô-ích, bản nào cũng phải sưu-tầm, thì mới đủ tài-liệu mà chất-chính.

Từ đây giở xuống là dị-bản : 2/ Tiết xuân dạ ; tiết qui hạ. — 3/ Giời quang mây tĩnh ; thiên quang vân tĩnh. — 4/ Nhà thảo đường. — 5/ Thức-tỉnh. — 6/ Dãi kề quế lan. — 7/ Thoát động ; mà động. — 8/ Mà than mấy nhời ; để than với giời ; đọ ngang với giời. — 9/ Dì Nguyệt. — 10/ Thân này. — 11/ Làm cho tỏ mặt (rõ mặt, mỏi mắt, mỏi mệt) anh-hùng. — 12/ Sương tuyết. — 13/ Trinh-quang.

14. Phỏng độ bao xa ; phỏng mấy mươi xa ; phỏng lại bao xa ? — 15. Ta lại với ta. — 16 Anh-hùng. — 17. Xuân-xanh bao ná ? Bóng xanh bao ná ? Xuân-tình bao tá ? — 18. Cứ xuân thu ; kẻ niên-hoa. — 19. Yếu liễu thơ đào ; tủi phận má đào. — 20. Tấm gương. — 21. Cứ ngày rằm đến tối thì ra. — 22 Nguyệt rằng : « Trong cõi người ta ». — 23. Ai mà. — 24. Soi đời. — 25. Biết loài. — 26. Thấy Nguyệt hỏi. — 27. Biết rằng ta có Nguyệt hay chăng ; Biết lòng ta có Nguyệt hay chăng ? — 28. Muốn lên tới chốn cung giăng. — 29. Một giăng với một mình ta. — 30. Biết nhau chỉ có canh ba điểm tùng.

31) Nguyệt nghe nói ướm lòng thử hỏi ; Nguyệt thong-thả ướm lòng lại hỏi. — 32 Cuỉ vị. — 33 Giết nhau. — 34 Buổi vân-lôi ; lúc vân-lôi. — 35 Hay giữ. — 36 Đã có thánh-thần. — 37 Dẹp loạn. — 48 Nên thân trị bình ; lại thân chí bình. — 39 Chực lợi. — 40 Cô danh. — 41 Chẳng qua như chuyện đinh-linh lộ phù ; chẳng qua như chuyện minh-linh du-phù (khu-phù) ; chẳng qua như chuyện lênh-đênh chim phù (khu-phù, khua mò, cua mò). — 42 Danh-nho ; làng nho. — 43 Rõ ra tay. — 44 Cá bể — 45 Cành hoa ; trời hoa. — 46 Gương càng tỏ, nguyệt càng cao ; canh càng thâm, nguyệt càng cao ; canh càng lẻn, nguyệt càng cao ; gương càng tỏ, nguyệt càng cao. — 47 Chốn quế-đình. — 48 có ta với Nguyệt biết tình chẳng hai. — 49 Không có bản chữ nôm nào đề tên tác-giả vào bài ca trên kia ; duy có quyển *Đại-Nam quốc-âm ca-khúc* (sách viết của trường Bác-cổ, số AB 146) chép ở trang đầu mấy chữ « Hoàng-triều Thượng-thư Nguyễn-công-Trứ soạn » (1777-1859), nhưng không lấy gì làm đích thực.

50) Tập *Quốc-âm thi-ca tạp-lục* có nhiều bài lối cổ, không theo Đường-luật, hiện chưa có ai in ra quốc-ngữ. Ba bài trên kia đề trong bản nôm là *Quá cổ-thành hữu cảm thi*, không rõ của ai.

TIẾNG GỌI ĐÀN
(Tập văn luận thuyết)

NÉT MỰC TÌNH
(tập văn vần)

Ông Cử DƯƠNG-BÁ-TRẠC
soạn
mỗi quyển giá 0p.30
cước 0p.06
bán tại hiệu
ĐÔNG-TÂY
195, hàng Bông Hanoi

Những thành-quách cổ quanh vùng Bắc-ninh

(Có vẽ bản đồ để tiện kê-cứu)

Biệt-Lam TRẦN-HUY-BÁ

TỈNH Bắc-ninh, đời Tần, 246-207 tr. T. L., thuộc Tượng-quận ; đời Hán (206 tr. T. L. — 220 s. T L) thuộc Giao-chỉ ; đời Ngô, 222-280, gọi là Giao-châu quận-trị ; đời Tấn, 265-420, gọi là Vũ-ninh ; đời Đường, 618-906, gọi là Long-châu. Đến đời tự-trị, Đinh, Lê, 968-1009, gọi Bắc-ninh là Bắc-giang ; Lý, 1010-1225, gọi là Gia-lâm quận ; đời Trần, 1225-1400, gọi là Bắc-giang lộ ; Lê Thuận-Thiên năm đầu, 1428, gọi là Bắc-đạo ; khoảng năm Lê Thiệu-Bình, 1434-1439, gọi là Bắc-giang thượng, hạ-đạo. Năm Lê Quang-Thuận thứ 7 (1466) đổi gọi là Bắc-giang thừa-tuyên. Năm Hồng-đức thứ 21 (1490) tu sửa đồ-bản, gọi là xứ Kinh-bắc.

Bản triều năm Minh-mạng thứ 3 (1822) gọi là trấn Bắc-ninh ; năm thứ 12 (1831) đổi gọi là tỉnh Bắc-ninh.

Đến năm Thành-thái thứ bảy (1905), cắt từ sông Cầu trở lên đặt làm tỉnh Bắc-giang ; lại cắt ở phía tây lấy gần ba phủ huyện cho sáp nhập vào tỉnh Phúc-yên, nên so với trước thì nay chỉ còn nhỏ bằng một phần tư đất-đai xưa.

Tỉnh Bắc-ninh, địa thế rất đẹp, núi sông thuận tiện, nên ngày trước đã có nhiều đời đóng đô ở đó. Kể ra cái di-tích thuộc về chính-trị và tôn-giáo thì rất nhiều, nay chỉ xin đan cử những nơi đã làm thành-quách mà thôi. (Xin coi bản đồ).

1. Thành Cổ-bi. — Tục-ngữ có câu : « *Thứ nhất Cổ-bi, thứ nhì Cổ-loa, đến bực thứ ba, kinh-đô Hà-nội* ». Vậy xin nói qua về thành Cổ-bi trước đã. Thành Cổ-bi ở xã Cổ-bi, tổng Đăng-xá, phủ Gia-lâm bây giờ, do chúa Trịnh Cương (1709-1729) đắp vào năm Vĩnh-khánh nguyên-niên (1729). Nguyên vì Trịnh Cương, hồi tuổi già, ưa về thuyết phong-thủy, khi qua quê mẹ là Trương thái-phi, thấy nơi ấy có hai dẫy núi như chuỗi ngọc châu nhấp-nhô sóng hàng, bên hữu lại có một u đất rất cao, như hình voi phục (Tục gọi là Trầu voi phục) bèn sai lập ra thành-quách cung-điện để ở, gọi là «Kim-thành». Công việc đương xây dựng dở-dang thì chúa Trịnh Cương mất ở đó. Ngay chỗ ấy có những voi đá, ngựa đa, sư-tử đá, do chúa Trịnh đã bày-đặt ra (hiện giờ vẫn còn)

2. Thành Cổ-loa. — Thuộc xã Cổ-loa, huyện Đông-anh, tỉnh Phúc-yên bây giờ, do vua Thục An-dương vương đắp năm 257 trước Tây lịch. Thành đắp ra có ba tầng vòng, quanh co như hình trôn ốc, nên mới gọi là *Loa-thành*, rộng chừng nghìn trượng, lại có tên là *Hắc-long thành*. Nhà Đường thấy thành ấy đắp ở một giải cao-nguyên nên gọi là *Côn-lôn thành*.

Ở giữa thành có đền thờ vua Thục An-dương vương và miếu thờ nàng My-Châu. Trước cửa miếu có cái giếng gọi là giếng « Tây-ngọc ». Tương truyền rằng : Khi lấy được ngọc trai ở ngoài Đông-hải, đem về giếng ấy rửa thì ngọc trai sáng thêm ra.

Trước cửa miếu có một cây đa cổ-thụ, rễ mọc tỏa ra hai bên, thành một cái cửa, đi lại ở giữa được. Trong miếu có một bài thơ của cổ-nhân đề rằng :

Thiết trảo bất tri phu bạn phu,
Bạt mao đãn giác phụ lòng phu.
Thủy quang tẩy đắc minh châu sắc,
Tẩy đắc gia-ông tức hận phầu ?

Dịch nôm :

Trộm nỏ ngờ đâu cha mắc bẫy !
Ghi lòng biết có thiếp ngay lòng.
Nước trong rửa được hòn châu sáng,
Rửa được lòng cha tức-giận không ? (1)

Và một câu đối của quan Lại-bộ Thượng thư Nguyễn Tư-Giản đề:

Thị gia phi, thiên tải hạ, thùy năng biện chi ? quy-trảo nỗ-cơ truyền ngoại sử.

Phụ dữ phu, ngũ luân trung, quả thực thân dã ? bạng-thai tỉnh-thủy độc thâm tình.

Dịch nôm :

Thực với dối, muôn năm, hả rõ thay ? Máy nỏ vuốt rùa ngoai sử chép.
Cha với chồng, nằm rường, ai thâu nhỉ ? Lòng trai, nước giếng nặng tình chung ! (2)

Sau miếu có chùa gọi là chùa Bảo-sơn. Cổ truyền rằng : Đời vua Ngô-vương Quyền (939-944) cũng đóng kinh-đô ở đấy.

3. Thành Liên-lâu — Ở xã Lũng-khê, tổng Khương-tự, phủ Thuận-thành, do Sĩ-vương đời Hán lập ra, bốn bề toàn thành bằng đất, rộng độ 80 mẫu (chân thành vẫn còn). Phía trước thành có giòng sông Thiên-đức chảy qua. Bên tả, bên hữu và đằng sau

Hai cuốn Paroles du Maréchal hợp một

(bản in rất đẹp)

Đến cuối tháng octobre sẽ xuất bản **Giá 5p.00**

Nên ghi tên mua ngay từ nay đến 30 Octobre tại tòa Đốc-lý Hanoi, Haiphong, tại phòng Báo-chí phủ Thống-sứ, tại tòa sứ các tỉnh.

đều có ao rộng. Giữa thành có đền thờ Sĩ-vương. Đền có 5 tòa, trước, sau, tả, hữu đều có tường lầu. Phía trước có hồ, trên hồ có cầu bằng đá, ngoài cầu đá có lập ra cửa thề-môn. Ngoài cửa thề-môn có vọng-giang lâu.

Đời Hậu Lê, có quan Đà quốc-công, Dĩnh quận-công đứng lên trùng tu lại.

Đời Minh-mạng (1820-1840) thăng tự Sĩ-vương vào án tiên-nho ở Văn-miếu. Đời Tự-đức (1848-1883) chuẩn cho 10 tên phu để quét tước đền, và xuân thu tri tế. Xã Lũng-khê được cấp công tiền 100 quan.

Nguyên xưa Sĩ-vương, họ Sĩ, tên Nhiếp, tự Ngạn-oai, người đất Quảng-tín quận Thương-ngô nhà Hán bên Tàu. Đời Hán Bình-đế (đầu Tây lịch—5 sau T.L.), tổ-tiên Sĩ-Nhiếp tránh loạn Vương Mãng sang ở xứ Giao-châu. Lúc thiếu thời, Nhiếp du học ở kinh-đô nhà Hán, thu-nghiệp Lưu tiên-sinh người ở Lĩnh-châu, đọc sách Xuân-thu, Tả-truyện.

Đời Hán Hoàn-đế (147-167), Nhiếp đỗ khoa Mậu-tài, được bổ làm quan lệnh huyện Vu-dương, sau bỏ sang Giao-châu, được cử làm Thái-thú.

Nhiếp, trong khi quản-trị Giao-châu (187-226), đã đem văn-hóa đạo Khổng sang dạy thêm cho dân ta, nên văn-học nước ta từ đó ngày thêm thịnh đạt. Nhiếp được phong tước Long-biên hầu, thọ 90 tuổi. Sau mất, táng ở xã Tam-á cách thành Liên-lâu độ hai cây số.

Lăng ở trong một đám rừng, cây cỏ um-tùm, xây tường hoa vòng tròn rộng độ 20 bước; có một cửa vào. Bên tả lăng lại có miếu thờ, có một ngôi chính-tẩm và tế-đường, tả hữu vu và tam-quan, tất cả 5 tòa. Ngoài có vọng đình, trên có bốn chữ « Nam-giao học tổ ».

Đời Tự-đức có chuẩn cho 5 tên phu để quét-tước, và mỗi năm xã Tam-á được lĩnh công tiền 50 quan làm xuân thu tế.

4. Thành Điêu-diêu. — Ở giáp giới xã Gia-quất và xã Gia-thượng tổng Gia-thụy, phủ Gia-lâm, do quân Minh đắp ra. Khi quân Minh còn chống cự với vua Lê thái-tổ (1428-1433), vua sai ông Lê-Chích đánh, hạ được thành này. Nay vẫn còn độ vài mươi cồn đất cao ở nơi ấy, tương truyền là những nền cung điện, nền kho và nền cột cờ còn lại vậy.

5. Thành Thị-cầu. — Ở núi Dinh-sơn, xã Thị-cầu, tổng Đỗ xá, huyện Võ-giàng. Thành này cũng do quân Minh đắp ra, rộng độ trăm mẫu. Tướng nhà Minh là Đường-bảo-Trinh giữ thành ấy. Vua Lê-thái-tổ gọi ông Lê-Chích ở Nghệ-an đem quân ra, hết sức đánh phá, sau hạ được thành. Bảo-Trinh thế nguy, phải xin hàng.

Đời Hậu-Lê lập trấn Kinh-bắc ở đó. Đến đời Gia-long năm đầu (1802) cũng nhân nền đó mà đặt trấn. Sang năm thứ 3 (1804) mới dời trấn ra nơi khác. Những vết thành cũ hiện giờ vẫn còn.

6. Thành Xương-giang. — Ở tổng Thọ-xương, phủ Lạng-giang. Do quân Minh đắp ra. Tri-phủ nhà Minh là Lưu-tử-Phụ và Chỉ-huy là Kim-Dận đều chết ở đó, khi chống đánh với Thái úy nhà Lê là Trần Can và Tư-mã là Lê Sát.

Nay thành ấy đã bị san phẳng làm ruộng, nên không thể nào khảo cứu cho ra vết tích được nữa !

7. Dinh cũ Bồ-đề. — Ở xã Phú viên, tổng Gia-thụy, phủ Gia-lâm. Khi vua Lê Thái-tổ đương chống nhau với quân Minh,

«Nhà Bình-dân phạn-điếm của hội Hợp Thiện Bắc kỳ sẽ mở cửa ngày 16 Novembre 1941 để giúp đỡ sự ăn uống cho anh em nghèo ».

vua sai đắp một dinh bằng đất cao như quả núi, ngang bằng với tháp Báo-thiên bên Thăng-long. Vua ngự ở tầng trên để xem thế động tĩnh của quân giặc ở thành Đông-quan (tức Thăng-long thành) và cho ông Nguyễn Trãi ở tầng giữa để thảo tờ trát quân lệnh đi lại. Nay tiếc rằng không còn một dấu vết gì để mà khảo-cứu !

8. Thư-viện Lạn-kha. — Ở núi Phật-tích, tổng Thụ-phúc, huyện Tiên-du, do nhà Trần 1225-1400, lập ra, gọi là « *Lạn kha thư viện* » cử ông Trần Hoạch làm sư trưởng. Vua Trần thường ngự ra đó để xem sách. Niên hiệu Xương phù [1377-1387], có mở tại đó khoa thi lấy tiến-sĩ. Đến đời Cảnh hưng [1740-1786] cũng thường thiết triều-nghi ở chốn này.

9. Trường bắn bia. — Ở xã Dũng-vi, tổng Dũng-vi, huyện Tiên-du. Do Hồ Quý-Ly [1400] lập ra ; có dựng một tấm bia đá để lại. Lâu ngày chữ ở trong bia đá mòn nhoè hết, bây giờ không thể khảo được nữa.

10. Trạm cũ Hoài-viễn — Ở xã Cự-linh, tổng Cự-linh, phủ Gia-lâm, lập ra từ đời Lý Minh đạo năm thứ 3 [1044] để làm nơi sứ-quán cho các sứ-thần nước ngoài. Xem sách *Địa-dư chí* của ông Nguyễn-Trãi thì khi bấy giờ các quan Lang ở ngoài biên quận vô cớ không được tiến vào tận trong kinh thành, phải tạm chú ở quán Hoài-viễn, đợi khi triều hội, có lệnh, mới được tiến kinh. Nay tiếc rằng nơi nền cũ cũng không còn một dấu vết gì !

Biệt-lam TRẦN-HUY-BÁ

1, 2. Dịch-văn của Trần hàm-Tấn.

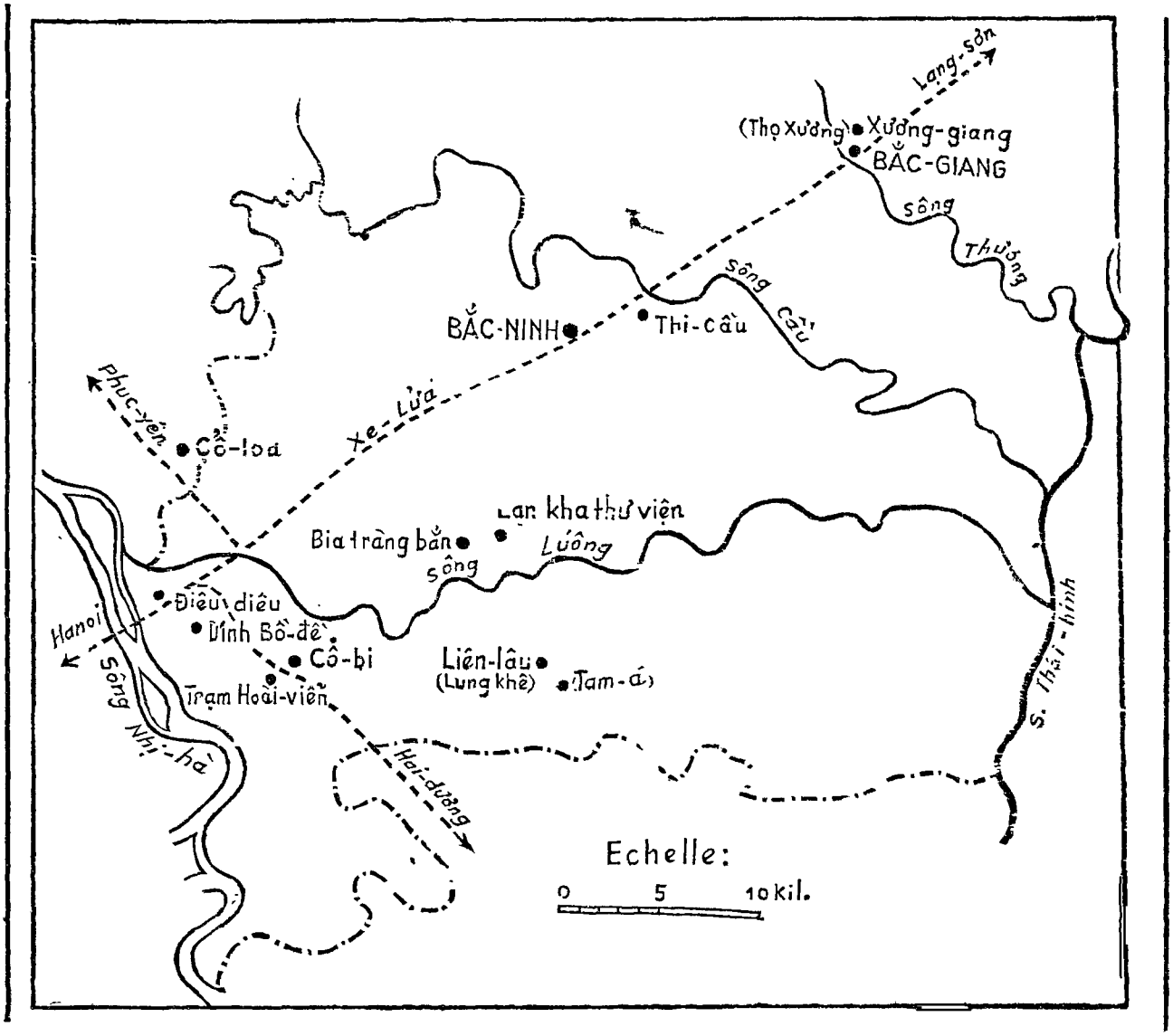

Mảnh sử-liệu

Việc khẩn-hoang ở Nam-kỳ dưới triều Nguyễn

XỨ Nam-kỳ ngày nay là một giải đất nhiều ruộng tốt, hàng năm, hoa lợi về thóc, gạo không phải là ít. Một nhà ngoại-giao đã ví xứ ấy như « *thùng thóc* » của cả Đông-dương.

Công việc khai khẩn xứ Nam kỳ khi trước, là nhờ các chúa Nguyễn xưa và các vua nhà Nguyễn kế vị sau đã khéo biết tình thế mà theo đuổi việc làm của liệt thánh. Sau nữa, dân Nam-kỳ nay đã nhận ra những nguồn lợi thiên nhân, nên các điền chủ đã biết dùng phương-pháp khoa học để mở mang sự cấy lúa, khai khẩn những đất hoang ở Lục tỉnh.

Về việc khẩn hoang này, các sách đều nói đến. Dưới đây là một đoạn mà chúng tôi mới sưu tầm được, tưởng nên ghi lại để giúp việc khảo cứu :

Nam Tự-đức thứ ba (1850), sắc sai ông Nguyễn Tri-Phương (1) làm Khâm sai tổng thống quân vụ đại thần xứ Nam kỳ. Ông đã sớm hiểu tình thế xứ ấy, nên trong bài sớ điều-trần tất cả 13 khoản, có một đoạn nói về việc khai khẩn đồn-điền đại lược như sau đây :

« *Xứ Nam-kỳ đất liền với xứ Cao-man, dân hay sớm ở tối tan. Nay trừ phi làm đồn điền để chiêu-mộ lấy họ, dạy việc khai khẩn thì những dân sẵn có ruộng nương làm ăn mới ở yên. Vả lại, khai khẩn đất hoang là cốt mưu lợi để nuôi dưỡng dân cư nữa.*

Hiện nay trong Nam kỳ ở sở đồn điền đã lập được 21 cơ, hơn 100 làng. Sự chia ra từng phe (?) ở mà canh khẩn kết liên lại thành những làng xóm, dân-sự sẽ vui mà an-cư, lạc nghiệp.

Việc đồn điền này rất lợi cho dân. Duy chỉ có bọn đàn anh khó-nhọc là không bằng lòng, hay phao tin đồn-nhầm. Các quan địa-phương nghe nhời kẻ dưới mà tâu man. Xin Bệ-hạ (vua Tự-đức) xuống dụ cho các quan trong sáu tỉnh: Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chính, Án sát, Tri phủ, Tri huyện phải thời thường qua lại xem xét tình hình, hễ kẻ nào siêng năng thì khuyến khích, kẻ nào lười nhác thì trừng phạt. Làm như vậy những đứa dám ăn chơi mà bỏ trễ công việc làm ruộng, rông rỡ trộm cướp sẽ bớt đi, địa lợi sẽ mở mang ra được, dân sự sẽ trở nên giàu thịnh ».

Sớ ấy tâu lên, đức Tự-đức ưng chuẩn cho làm, nhưng lại dụ quan Khâm-sai phải định điều-lệ để dễ việc thưởng phạt.

Ông Nguyễn Tri-Phương dâng sớ xin : « *Hạn trong ba năm các phủ huyện nào giỏi việc đốc thúc mộ khẩn, đinh được 30 tên, điền được 60 mẫu thì thăng thưởng cho ; phủ huyện nào chỉ được một phần năm thì không được thăng thưởng gì cả ; còn bất cập thì sẽ bị Triều đình nghiêm trị* ».

Y theo lời đề-nghị ấy, vua cho thi-hành.

Nhưng phàm việc gì ở đời dù hay đến đâu cũng không khỏi có sự ghen-ghét :

Năm Tự-đức thứ 9 (1856), Án-sát tỉnh Định-tường là Vương-Sĩ-Kiệt dâng sớ tâu rằng : « *Việc lập đồn-điền quả là không tiện, bởi vì đem những tù-phạm vào mà canh-khẩn, nó thường quen thói cũ rủ nhau đi ăn cướp của dân, lại thêm hay trốn tránh nữa !* »

Vua Tự-đức giao tờ sớ ấy cho bộ Hộ xét tấu.

Bộ thần tâu rằng : « *Xét việc đồn-điền lập ra nay đã thành-tựu : lập thành làng-xóm, khẩn nhiều đất-đai, dân-sự đã an cư, lạc nghiệp. Nay Án-sát Vương Sĩ-Kiệt chỉ-trích một hai điều nhỏ-mọn, nói làm bất tiện, thì bất quá là mua lấy tiếng ngay-thẳng với vua đó thôi. Bộ chúng tôi tưởng việc ấy không cần phải xét.* »

Năm Tự-đức thứ 10 (1857), nhân việc bặc tấu trên, quan Khâm-sai Nam-kỳ xin về chiêm-cận để trình bày các việc. Vua ưng cho.

Khi vào chầu, đức Tự-đức phán hỏi : « *Trong Lục tỉnh, địa-thế rộng lắm, sao khanh nhất nhất khám tường được hết ?* » Ông Nguyễn Tri-Phương tâu rằng : « *Thần thường thường đi khám xét chỗ này, chỗ khác ; lại phái các phủ, huyện xét bẩm tình hình, nên biết rằng nay số đinh đã tăng, số điền thổ cũng mở-mang nhiều hơn các năm trước.* »

Nhân việc ấy, ông Khâm-sai lại dâng một bản tâu về việc đồn-điền để bổ-cứu việc chính-trị, trong ấy có kê-trình :

1) Ruộng mới khẩn trên ba ngàn mẫu, lúa mới thu vào 8000 lượng, hiện đương trữ tại tỉnh thành.

2) Xin đem lúa gạo ấy phân trữ vào mỗi tỉnh một ít để ngộ thời cho quân dùng khỏi lấy vào của kho nhà nước.

Vua ban khen và cho phép ông được tùy nghi mà thi-hành.

Do đấy mà ở Nam-kỳ trong thời-kỳ ấy kho-tàng thật là sung-túc.

TIÊN-ĐÀM

---

1) Nguyễn Tri-Phương, tên thực là Nguyễn Văn-Chương (năm Tự-đức thứ ba, vua phê cho đổi tên lại), tự là Hàm-trinh, hiệu Đường-xuyên, người làng Chí-long, huyện Phong-điền, tỉnh Thừa-thiên, sinh năm Canh-thân (1800), mất năm Quí-dậu (1873), làm quan đến Thái-tử thái-bảo Võ-hiển điện Đại học-sĩ, Tri-dũng tướng, Trảng-liệt-bá.

TÙY HỨNG

Hồn mộng

Núi chếch, nghiêng đầu nhìn bể rộng,
Mây trùm cổ-thụ đứng trơ-vơ.
Khơi thẳm long-lanh muôn đợt sóng,
Sườn đèo, dương-liễu rủ lơ-thơ.
Buồm nhẩy như chim chôn mái nước.
Im-lìm canh mộ giặng phi-lao
Đường lối quanh co, ông lão bước,
Tay tì gậy trúc, miệng nghêu-ngao.

Lặng tờ. Không thoảng một hơi may,
Tư-lự triền-miên chót đỉnh đồi.
Ao tù yên ngủ dưới màn cây,
Vừng ô đẫm máu lả bên trời.

Đã bao lâu uống bóng hoàng-hôn,
Cầu mưa sinh-thú gội tâm-hồn,
Ngáp đời hiu-quạnh, soi gương biển,
Nhớ ánh thiều-quang, tình âu-yếm,
Nhớ mùi thơm ngát, điệu du-dương,
Thương cảnh buồn tê, kiếp đoạn-trường?

Chiều nay cất cánh bay xa lắc,
Tinh-thần phóng-đại vượt thiên-biên,
Mải tìm tuyệt-đối trong cùng-cực,
Ước ao chân-lý gải ưu-phiền.
Bế bồng ác đỏ qua ngàn biếc,
Nhẩy truyền bắc-đẩu tới Ngân-giang,
Dò thăm hang tối vùng băng tuyết,
Vào cõi mơ-huyền vầng thái-dương.
Tắm chơi suối lạ, nguồn sáng-láng,
Kề giăng, ấp gió, cợt sao tình.
Nghe nhạc thiêng-liêng, ca dũng-tráng,
Phá thành sương nhợt, đón bình-minh.
Xem bắc cầu vồng, nhô mống cụt,
Ngắm buông vàng ngọc phủ non sông.
Thoát-ly trần-tục ganh đua thấp,
Mình ta vùng-vẫy khoảng mênh-mông,
Lơ-đãng liếc trông miền quả đất,
Thấy khói đen sì cuốn cuộn lên,
Đem lại tiếng người mê vật-chất,
Say-sưa, vui chén lợi, danh quên!

H. MINH - TUYỀN

Cảnh hè

Yểu-điệu hoa-đường, trú ảnh trường,
Hà hoa suy khởi bắc song lương.
Viên-lâm vũ quá, lục thành ác,
Tam lưỡng thiền thanh náo tịch dương.

TRẦN THÁNH-TÔN

Dịch nôm:

Ngày dài bóng nắng giải thềm hoa,
Cửa bắc mùi sen gió thổi qua.
Mưa tạnh, vườn sau cây rủ biếc,
Tiếng ve kêu rộn bóng dương tà.

THI - NHAM dịch

Viếng quan thiều-sư Trần-trọng-Trưng

Thống khốc Giang-nam lão cự-khánh,
Đông-phong uẩn lệ vị thương tình!
Vô đoan thiên thượng biên niên nguyệt,
Bất quản nhân gian hữu tử sinh.
Vạn điệp bạch vân già cố trạch,
Nhất đôi hoàng nhưỡng phú phương danh!
Hồi thiên lực lượng tùy lưu thủy,
Lưu thủy than đầu cộng bất bình.

TRẦN THÁNH - TÔN

Dịch nôm:

Thương thay quan Lão-tướng Giang-nam,
Trước gió khôn ngăn lệ mấy hàng!
Ngày tháng khéo ghi, quyền Thượng-đế;
Mất còn chi quản, khách trần-gian.
Kéo quanh nhà cũ tầng mây trắng;
Vùi kín danh thơm nấm đất vàng.
Sự-nghiệp phó cho giòng nước chảy,
Bất bình mặt nước cũng mênh-mang!

THI-NHAM dịch

TRỊNH LỆ
người lấy đười-ươi

TRỊNH-LỆ là con Trịnh-Hoa-Đường đã nói trong số trước.

Sau khi đỗ cử-nhân, Trịnh-Lệ được về kinh, để học tại trường Quốc-tử-giám.

Một chiếc thuyền lương của Triều-đình đưa Trịnh Lệ thẳng đường thủy lai kinh...

Qua bao ngày lênh-đênh trên mặt bể, một hôm, không may thuyền bị sóng gió lôi cuốn xuống đáy giòng với tất cả hành khách. Duy Trịnh Lệ còn sống sót vì vớ được chiếc mái chèo, rồi mặc cho sóng vỗ, bềnh bồng trên mặt nước, bảy ngày không ăn uống, chỉ còn thoi thóp chờ thần chết đem đi!

Ngày thứ bảy, sóng đưa trôi dạt vào một bãi cát. Trịnh Lệ sức dã kiệt, trí đã mê, nằm ngay như cây gỗ, không sao gượng đứng lên được, chỉ còn một thác là xong cái đời bẩy nổi ba chìm... Nhưng may thay! Trước khi thần chết hiện hình, thì có cứu-tinh tới cải tử hoàn sinh: Một sơn-nhân to nhớn lại gần lay gọi, cầm một nắm nhựa để vào mồm Trịnh Lệ.

Trịnh Lệ ăn xong, dần dần thấy trong mình khoan khoái dễ chịu, trí-não sảng-khái, bèn đứng dậy, đi lại được.. Bỗng thấy người rừng đứng đấy, Trịnh Lệ thở dài, than ràng: «Không chết vì bão bể, lại gặp nạn đười-ươi, thực là con Tạo đa đoan!»

Người rừng cầm tay Trịnh Lệ dắt đi. Trịnh Lệ liều theo, muốn xem con Tạo xoay-vần đến đâu...

Đười-ươi giam Trịnh Lệ vào trong hang đá, đóng cửa lại, đi tìm hoa quả trong rừng, đem về cho ăn. Trịnh-Lệ từ đó nghiễm-nhiên nhẩy lên địa-vị chồng cô Đười-ươi, rồi chẳng bao lâu Đười-ươi sinh được một con gái rất mạnh mẽ, tinh anh

Đười-ươi từ ngày có con, vì không sợ chồng trốn đi, nên không đóng cửa hang như trước, để chồng con ở nhà, thân đi kiếm lương thực về nuôi nhau. Đến năm con gái lên ba tuổi, hằng ngày hai cha con vẫn ra bể tắm. Một hôm, con trong người không được khỏe, nên Trịnh Lệ để ở nhà, ra bể tắm một mình.

Ra tới bến, Trịnh-Lệ trông thấy xa xa một chiếc thuyền buồm, bèn trèo lên cây, bẻ lá vẫy lại: tới gần thì rõ là thuyền lương của Triều-đình đương đi lên miền bắc. Thuyền đỗ ngoài khơi, cho xuồng vào thám. Lúc biết là người bị nạn, thuyền mới cứu Trịnh-Lệ đem đi.

Sơn-nhân hình như nóng ruột, chạy về nhà, chỉ thấy con mà không thấy chồng, bèn vội-vàng đi tìm-kiếm mọi nơi. Ra tới bờ bể, trông thấy bóng chồng trên thuyền lương, bèn cất tiếng gọi và lấy tay vẫy cho chồng trở lại. Nhưng thuyền cứ từ từ ra khơi, không quay lại! Đười-ươi không sao được, bèn quay về hang đá, bế con ra bờ nể, nâng con lên lưng-chừng không-khí, vẫy xem chồng có vì tình phụ-tử, đổi lòng mà trở lại chăng. Song chiếc thuyền vô-tình cứ im-lặng đưa Trịnh-Lệ thẳng tiến về miền bắc!

Sơn-nhân thấy kêu gào mãi cũng vô-ích, bèn hai tay cầm hai chân con, xé đôi người con ra, ăn một nửa, còn một nửa ném theo thuyền xuống bể! Sơn-nhân làm việc ấy xong, cũng nhảy xuống bể mà từ trầm!

Thuyền về tới Nghệ an, Trịnh Lệ phải sang thuyền buôn, về Hà nội.

Ở Hà nội, có nhiều người Phù đồng buôn bán tại phố Hàng Đậu. Thuyền buôn cập bến Hà nội, Trịnh Lệ vào phố Hàng Đậu hỏi thăm tin tức nhà cửa vợ con. Được tin vợ con tưởng mình đã mất, nên đã để tang và giữ gỗ tết trong ba năm qua, Trịnh Lệ cảm động đến rơi lụy! Từ đó, coi công danh như giấc mộng, phú quý như phù vân, Trịnh Lệ cam đoan không bao giờ lìa nhà ra đi, để gia đình vì mình phải điêu đứng.

Về làng, Trịnh Lệ mở trường dạy học, môn sinh thành đạt rất nhiều.

Rồi, từ đấy trở đi hưởng lạc thú gia đình, vui cảnh điền viên cho đến khi tuyết tiêu, vân tán...

Nhật-Nham

Từ tháng Novembre 1941

Như đã tuyên-bố ở số đặc-san, bắt đầu từ tháng này, giá mua năm báo Tri-Tân định là: 1 năm: 6p80 — nửa năm: 3p50 — 3 tháng 1p80 — Còn ngài nào mua báo trước ngày 31 Octobre 1941 thì vẫn tính giá cũ.

TRI-TÂN

Ô - tô, nhà lầu, vợ đẹp, con khôn, tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ dễ đạt cái mộng tưởng ấy, chỉ có một cách

Mua vé số

ĐÔNG - PHÁP

1$00 một vé

Giai-thoại trên đàn văn

Kén rể bằng cách thi câu đối

MỘT đêm thu. Trong phòng khách ấm-cúng sáng dịu, tôi đang tiếp chuyện Lê-quân và Đặng-quân với bao niềm nở thân mật.

Thình lình Đỗ-quân từ G.L. tiến vào... vừa ngồi yên. Mưa thu ào-ào đổ xuống. Tôi ung-dung đọc :

« Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách »

(Mưa không có then khóa cũng níu buộc được khách ở lại).

Đỗ-quân liền kể cho chúng tôi nghe câu thơ ấy là chuyện thơ ta, chứ không phải là chuyện thơ tàu...

Thấy tài liệu ấy có thể góp thêm vào chuyện *« Trạng Me, Trạng Ngọt »* mà bạn Tiên-Đàm và bạn Long-Điền đã kể trong 2 số Tri-Tân 15, 19, tôi cầm bút thuật lại ra đây :

Nhà Đàm ở làng Me (Hương mặc) có cô gái cưng. Ông bà Đàm muốn kén cho con một tấm chồng thật xứng đáng để, một mai, có thể đạt được nguyện vọng « voi anh trước, võng nàng sau ». theo tâm lý chung của cái xã-hội đương trọng khoa cử.

Tin kén rể ấy lọt ra ngoài. Ba chàng « hay chữ » được ông Đàm cùng tiếp trong một lúc.

Mưa giữ khách ở lại ! Ông Đàm liền ra chung cho ba chẳng một vế như trên để thử khẩu-khí của mỗi người :

« Vũ vô kiềm-tỏa năng lưu khách »

Nguyễn Giản-Thanh, cũng người làng Me, đối trước :

« Sắc bất ba đào dị nịch nhân »

(Sắc đẹp tuy không có sóng gió, nhưng làm cho người ta đắm-đuối dễ như bỡn (!)

Hay ! hay tuyệt ! thế nhưng không được hân hạnh làm khách giường đông ! Ấy vì ông Đàm chê rằng tác-giả có giọng khinh bạc, con cháu không bền, mặc dầu sau này Nguyễn Giản-Thanh quả đỗ Trạng-nguyên.

Ngô-sinh người làng Ngọt, bấy giờ cũng dự cuộc, đối bằng giọng hiền lành :

« Nguyệt hữu loan cung bất xạ nhân ».

(Trăng có chiếc cung, nhưng không bắn người nào).

Yêu vì Ngô, khẩu-khí trung hậu, có phúc đức, con cháu sẽ khá, ông bà Đàm ưng gả ngay cô con gái quí cho « chàng Bảng-nhỡn tương-lai » ấy.

Còn câu đối của người thứ ba, vì khô g sạch, nên xin miễn chép.

◆

Đỗ-quân lại kể thêm: Nguyễn Giản-Thanh bấy giờ tuy bắn trượt bình sẻ, nhưng khi còn bé, Nguyễn đã tỏ ra là một thiên-tài, rất mẫn tiệp trong những câu đối ứng khẩu...

Một hôm, có khách, đi võng đào mắc dưới hai đầu đòn chạm trổ hình con hạc, đến chơi với cha của Nguyễn. Khách ra cho Nguyễn câu này khi thấy Nguyễn đang tinh nghịch ngồi trên mo cau làm ngựa cho trẻ khác kéo :

« Trẻ cưỡi ngựa mo ».

Nguyễn nhìn lên đầu đòn võng, nhanh trí đối :

« Già chơi hạc gỗ ».

Lại một lần khác, có ông bạn của cha cưỡi ngựa đến chơi nhà, Nguyễn đang xúng xính trong chiếc áo đỏ dài lê thê, cũng ứng khẩu đối :

« Lọng xanh che đái ngựa »

Khi ông khách ấy ra :

« Áo đỏ quét cứt trâu ».

SONG CỐI

SÁCH KHẢO - CỨU VỀ PHẬT - HỌC

Trong năm nay, nhà soạn sách Phật - học Đoàn-trung-Còn có xuất-bản được bốn quyển sách rất có giá trị. 1·) **Chuyện Phật đời xưa** kể nhiều đời trước của đức Phật một cách rất thú vị, *giá 1p 00;* 2·) **Du lịch xứ Phật** thuật chuyện mạo-hiểm của một người nước Anh đến xứ Tây-Tạng, *giá 0p.90*; **Pháp-giáo nhà Phật** luận giải những vấn-đề siêu việt như Thánh, Thần, linh-hồn, quả báo với những phương pháp thoát khổ, *giá 1p 10*; 4·) **Na-Tiên Tì kheo kinh** tức là sự luận đạo giữa vua Di-lan-đà với nhà sư Na-Tiên, *giá 0p 80.* Mấy quyển ấy khảo-cứu theo kinh xưa điển cổ gốc chữ Phạn và chữ Ba-lị. Giáo-chánh rất kỹ. Qui ngài gởi mandat mua sách xin phụ thêm mười phần trăm làm cước phí. Cũng gởi lãnh hóa giao ngân. Có ít nhà đại-lý tại Hanoi, Huế, Phnompenh.

Thơ-từ : M. Đoàn-Trung-Còn 143, Rue de Louvain, Saigon

THỜI-KỲ TỪ KHI THEO HỌC CHỮ HÁN ĐẾN TRƯỚC KHI CÓ THƠ, PHÚ NÔM

(Từ thế-kỷ II tr. J. C. đến đầu thế-kỷ XIII)

CHƯƠNG THỨ HAI

Văn-học hồi Bắc-thuộc (1)

(Từ năm 207 trước đến 938 sau J. C)

Tổng luận

CÁI mầm văn-học việt-nam nảy-nở rất sớm. Lối văn vần tổ truyền, như tục-ngữ, ca-dao kia, tức là một thứ sản-phẩm cố-hữu của ta đó.

Trước khi ta học theo Tàu, lối văn đó đã thành-lập rồi.

« *Lục bát* » là chính thể ; « *Lục bát gián thất* » (hoặc *song thất lục bát*) là biến thể. Chúng thật là thứ văn đặc-biệt của dân-tộc Việt-nam. Chính chúng đã đẻ ra biết bao con cái tinh-thần sau này, như *Kiều, Trinh-phụ ngâm, Tần-cung oán...*

Sau khi bị Tàu chinh-phục bằng quân-sự và chính-trị, người Nam lại thâu-thái được món Hán-văn, rồi dần dần từ đời này qua đời khác, chiếm thành cái của sở-hữu của mình.

Trong khi Hán-văn nhờ thế-lực chính-trị và tôn-giáo mạnh-mẽ tràn vào, lối văn tổ-truyền vẫn ngầm-ngầm phát-đạt ở dân-gian, rồi theo thời-gian càng ngày càng tốt-đẹp, rực-rỡ.

Sống chung trong một giải đất, Việt-văn và Hán-văn cả hai cùng yêu nhau : hòa-hiệp mà không chia rẽ, hợp-tác mà không kỳ-thị, ghét-ghen. Rút cuộc Hán-văn, vì bén tiếng, quen hơi, thành ra an-nam-hóa ; Việt-văn, vì lợi-dụng nồi người, trở được giàu chữ, giàu tiếng và giàu tư-tưởng.

Về sau, cả hai cùng phát-đạt : một đằng là lối văn bác-học, một đằng là lối văn bình-dân.

Ở hồi Bắc-thuộc, vì bấy giờ người mình còn nhắm cả vào một mục-đích, một hy-vọng : vận-động về mặt chính-trị để thoát khỏi cương ách người Tàu, nên văn-học, có thể nói, chưa có gì cả.

Trong khoảng những đời Ngô, Đinh, Lê, Lý (939-1224), đài tự-do mới xây lại, người mình còn mải lo giữ cho nền móng ngày được vững-bền, nên văn-học chỉ được hơi nảy-nở

Mãi đến đời Trần, (1225-1400), cơ-sở độc-lập đã vững, chính là giờ tốt cho văn-học bồng-bột mở-mang, cho nên, ngoài Hán-văn ra, ta lại gây thêm được lối « văn vần lai Tàu », tức lối thơ phú nôm nữa.

Giờ ta hãy nhìn vào *văn-học hồi Bắc-thuộc.*

Từ đời Bắc-thuộc đến trước đời độc-lập (tức trước đời Ngô, Đinh...) Hán-văn do ba đường này nhập cảng vào Việt-nam :

1) Do quan-lại Tàu như Triệu-Đà, Nhậm-Diên, Tích-Quang, Sĩ-Nhiếp, v. v. truyền-bá Hán-học cho dân Nam để tiện bề giao-thiệp trong việc cai-trị và để gây cảm-tình với phái bị-trị.

2) Ra từ những người Nam như Lý-Cầm, Lý-Tiến, Trương-Trọng v. v., Hán-học có ảnh-hưởng đến dân Nam.

3) Đi kèm với gậy, bát của các vị cao tăng, Hán-học theo đạo Phật sang nhập tịch ở xứ này.

Nhắm ba đường đó, ta sẽ chia ra từng tiết mà nghiên cứu ở sau.

TIẾT MỘT

Hán-học truyền-bá bởi các lương-lại Trung-hoa

Thử viết — Số 10

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

Về việc truyền-bá Hán-học sang nước Nam, ta phải công nhận các lương-lại Tàu là kẻ gieo giống.

Ban đầu, Triệu Võ-vương (207-137 trước J. C) là người đi đầu khai hoang. Từ Tần (246-207 tr. J. C) đến đời Hán Văn-đế (179-155 tr. J. C.), Triệu Đà đã sống bằng cơm trời, nước giếng An-nam hàng 49 năm (coi bức thư của Triệu Đà gửi cho vua Hán). Trong vòng thời-gian khá lâu đó, Đà, một tay giỏi hơn Tiêu-Hà và Tào-Tham bên Hán, tất đã thông-thạo tiếng Nam lắm rồi. Kịp khi nhảy lên ngai vua, ngồi yên-ổn hàng 70 năm, há lại không đem cái đã học, đã biết mà truyền dạy dân Nam một cách trực-tiếp ?

Năm 196 trước J. C., Triệu-Đà có viết một bức thư xin lỗi vua Hán, trong có những câu : «...*Trong đối với Hán, tôi không được chấn-động, ngoài sánh với Ngô, lại không có gì cao hơn, khác hơn ; nên tôi phải đổi hiệu xưng là hoàng-đế Song tôi chỉ xưng đế ở trong nước, chứ có dám làm hại thiên-hạ đâu ?* » (2) Lời văn thông-hoạt, mạnh-mẽ, lý-sự kín-đáo và khôn-ngoan, tỏ ra Triệu Đà là người có học-vấn lắm.

Vả, trong thư đó, Đà có dẫn tên ba người : Phan, nội-sử ; Cao, trung-úy; Bình, ngự-sử. Trừ hai chức trung-úy và ngự-sử, ta nên chú ý vào chức nội-sử : một viên quan chuyên ghi-chép hoặc những việc quan trọng xảy ra hằng năm trong một nước quân-chủ, hoặc những hành vi động-tác của từng ông vua, hoặc những việc có dính-líu đến hoàng-phái, hoàng-gia của từng trào-đại. Viên đó lại có bổn-phận phải giữ các bạ-thư, luật, lịch, từ-lịnh, điển-lệ, công-văn, v. v. Tức là một chức sử-quan đấy.

Như vậy, ta có thể nói : Triệu Đà là người có học, quan-lại đời đó cũng đã làm việc về văn thư, thì trong khi cai-trị nước Nam, lẽ nào Hán-học không được truyền-bá cách trực-tiếp ?

Kế sau đó, còn có nhiều người dưới đây đáng liệt vào bảng danh-sách truyền dạy Hán-học :

Hán Hiếu-Võ (140 — 87 tr. J. C), sau khi đã giết Lã-Gia (nhà Triệu) và đặt thứ-sử ở Giao-chỉ, có dời tội-nhân (chắc là hạng chính-trị phạm) Trung-quốc sang ở lẫn-lộn với dân Nam, khiến cho dân Nam được học chút ít sách-vở và thông-hiểu sơ sơ về lễ-nghĩa, văn-hóa. (Coi bức thư của Tiết-Tông, thái-thú Hợp-phố, gửi cho chúa Ngô. Thư này có dẫn trong « *Đại Việt sử-ký toàn thư, Ngoại kỷ* », quyển 4, tờ 2).

Tích-Quang, người Hán-trung, làm thái-thú Giao-chỉ (hồi đầu Tây-lịch), có dạy dân theo lễ-nghĩa.

Nhiều nhà thân-sĩ đời Hán, vì tránh loạn Vương-Mãng (8-25), chạy sang Nam, nương nhờ Tích-Quang, chắc có giúp Tích trong việc truyền-bá văn-minh Tàu. (Coi sách « *Etudes d'Histoire d'Annam* » của Maspero)

Nhậm-Diên, người Diên-uyên, làm thái-thú Cửu-chân (hồi đầu Tây-lịch), dạy dân khai-khẩn, cày bừa, trồng-trọt và giúp lễ cưới cho dân nghèo. Về việc Tích-Quang và Nhậm-Diên, sử Hán chép gồm rằng : « *Văn-phong ở Lĩnh-nam bắt đầu có từ hai Thái-thú này* ». Mà Tiết-Tông đời Ngô cũng nói : « *Tích-Quang, Nhậm-Diên xây trường học, dạy lễ-nghĩa* ».

Sĩ-Nhiếp (187-226), tự Ngạn-uy, người Thương-ngô, có đậu hiếu-liêm và mậu-tài. Ông nghiên-cứu Thư, Truyện, Xuân-thu và Tả-truyện. Khi làm thái-thú ở Giao-châu, ông giữ yên bờ-cõi trong khi bên Tàu đương có cuộc Tam quốc giao-tranh. Đối với sĩ-phu, ông có lòng khiêm-nhún, nhã-nhặn. Có điều này ta nên chú ý : Vì lánh nạn, bấy giờ có đến hàng trăm danh-sĩ nhà Hán trốn sang Nam, nương nhờ Sĩ-Nhiếp. Chắc họ cũng có ảnh-hưởng trên dân-chúng bấy giờ về mặt Hán-học (3). Để ca-tụng cách quá đáng về Sĩ-Nhiếp, Ngô-sĩ-Liên, sử-thần đời Lê, có chép : « *Nước ta thông Thi, Thư, tập lễ nhạc, trở nên một nước văn-hiến là bắt đầu từ đời Sĩ-vương* ».

Ta cũng không nên quên tên Tuệ-Độ, người đã góp công trong việc truyền bá Hán-văn : Hồi thuộc Tấn (280-419), Tuệ-Độ làm thứ sử, mặc áo vải, ăn cơm rau, dựng trường học, có tiếng tốt trên trường chính-trị hồi đó.

Đó, những người lương-lại Trung-hoa nói trên đều có đóng vai quan-trọng trong việc nhập cảng Hán-học vào xứ này.

Nói cho đúng, Triệu Đà là tên lính tiên-phong trong đội quân truyền-bá Hán-học ; còn những người đi sau như Tích, Nhậm, Sĩ-Nhiếp .. thì mở-mang và truyền rộng ra, chứ không phải có công đầu như sử Hán và Ngô-sĩ-Liên đã nói.

Dầu vậy, trong việc này, ta còn phải chia công, xẻ tiếng cho hai hạng người nữa, tức những người Nam đã học thành-tài trong hồi Bắc-thuộc và các nhà Phật-học truyền-truyền đạo Phật ở đây từ thế-kỷ thứ III đến thế-kỷ thứ X. Vì việc truyền dạy Hán-học ở nước Nam là một công-cuộc trọng-đại và lâu năm, tất phải nhiều người góp sức, nhiều đời dồn-chứa, dần dà thấm-thía mới thành được cái công-quả lớn lao như vậy. *(Còn nữa)*

HOA-BẰNG

1. Tôi kể gồm cả đời Triệu (207-111 tr. J. C) vào hồi Bắc-thuộc.

2. Nguyên-văn chữ hán là : «... *Nội bất đắc chấn ư Hán, ngoại vô dĩ tự cao dị ư Ngô ; cố canh hiệu vi đế. Tự đế kỳ quốc, phi cảm hữu hại ư thiên hạ....*». Coi *Đại Việt sử-ký toàn thư, Ngoại-kỷ, quyển II, tờ 3-4.*

3 Coi thêm *truyện Sĩ-Nhiếp* trong *Bách Việt tiên hiền chí* của Âu Đại Nhậm, quyển IV, tờ 11b—12a.

Đón coi :

1) *Dẫn giải và chú thích bài văn tế Võ Tánh, Ngô công Chu* của Nhật Nham

2) *Phê bình tập thơ « Mùa cỗ điền »* của Tân Nghi

3) *Quốc sử chép đúng* của Kiều thanh Quế

4) *Thử bàn về nghệ thuật kịch và cách thức tổ chức một buổi diễn kịch...* của Hoa Nam và Cây Thông

Những người Pháp công-thần nhà Nguyễn

II

Jean Marie DESPIAU (? — 1824)

Quán Bazas quận Gironde bên nước Pháp, J. M. *Despiau* chuyên môn về giải-phẫu trong y-học. Sang ở Áo-môn (1) ít lâu, rồi Despiau tới phò chúa Nguyễn. Sử sách cũng không nói rõ là năm nào. Khi ở Gia định, *Despiau* làm chức ngự y cho chúa Nguyễn Ánh. Năm đức thầy Bá-đa-Lộc mất tại Qui-nhơn, Despiau cũng có mặt ở đó và theo đưa đám tới phần mộ

J. M. *Despiau* mất vào năm giáp-thân (1824) và cũng không có vợ con gì cả

Jean-Marie DAYOT (? — 1809)

J. M. *Dayot* quê ở Redon miền Bretagne bên Pháp và là cháu quan cố Toàn-quyền Ấn-độ tên là Charpentier de Cossigny.

J. M. *Dayot* tới Gia-định từ bao giờ thì không biết chắc, song cứ theo sắc vua Nguyễn ngày 15 tháng 5 năm Cảnh-hưng 51 (27 - 6 - 1790) phong cho làm Khâm-sai Cai - đội tước Trí-lược hầu, thì có thể đoán được là ông tới vào năm kỷ-dậu (1789), cùng với những người Pháp khác.

Nguyễn-vương ủy cho J. M. *Dayot* quản đốc tất cả thủy-quân của Nguyễn-triều.

Mấy trận thủy-chiến với Tây sơn ở Qui-nhơn, J. M. *Dayot* cũng đã lập được nhiều chiến công và đã giúp vua Nguyễn họa được những bản địa đồ về hải phận xứ ta từ Đồng-hới tới Cà-mâu.

Song đến năm ất-mão (1795) J. M. Dayot từ chức bỏ đi Áo-môn, rồi đến năm 1809 thì mất ở đấy.

Félix DAYOT (? — 1821)

Félix Dayot là em Jean-Marie Dayot cũng tới Gia-định cùng với Vannier (2) vào năm kỷ-dậu (1789) và đến năm nhâm-tý (1792) thì bỏ đi Manille ngoài ra không thấy sử-sách chép gì đến nữa.

Jean Baptiste GUILLON (? — ?)

Quê ở Vannes quận Morbihan bên nước Pháp, J. B. *Guillon* vốn là thủy-thủ trên tàu *Dryade* ở Lorient ra đi ngày 27 Décembre 1787 (3), đến 1er Juillet 1789 thì lên ở Pondichery, rồi theo về phò chúa Nguyễn ở Gia định. Chúa Nguyễn bèn phong cho chức phó Cai-đội tước Oai-dũng hầu (sắc cùng một ngày với sắc phong cho J. M. Dayot) bổ-dụng dưới quyền *Philippe* Vannier và Gérard de l'Isle Selle. Phò chúa Nguyễn được 14 năm thì về Brest.

J. B. Guillon ở nước Nam 14 năm trường, song tuyệt nhiên không thấy sử sách biên chép gì hơn nữa.

Julien GÉRARD DE L'ISLE SELLE (? — ?)

De l'Isle Selle quê quán ở đâu, không thấy sử chép, song chỉ thấy nói là tới đất Gia-định vào năm kỷ-dậu (1789) cùng với Vannier phò chúa Nguyễn, cũng được phong chức tước ngang với Vannier và bổ dụng dưới quyền J. M. Dayot.

De l'Isle Selle được phong làm Khâm sai thuộc nội Cai đội Long-hưng-hầu, sắc cùng một ngày với những sắc phong cho J. M. Dayot và J. B. Guillon. Ông không ở nước Nam được bao lâu và rồi đi đâu không rõ. (Còn nữa)

NGUYỄN-TRIỆU

(1) *Souvenirs de Hué par Duc Chaigneau*, p. 231.
(2) *B.E.F.E.O. tome XII Documents relatifs à l'époque de Gia-Long par L. Cadière*, p. 67.
(3) *Alexis Faure Mgr Pigneau de Béhaine*, p 242

Cải chính

T.T. số 21 này, có trang 2, mấy chữ in lầm, cần sửa lại : « tính-cực » xin đọc là « *tích-cực* » ; « Agus » xin đọc là « *Argus* ».

Tất cả các gia-đình Việt-nam,
Tất cả các phụ-nữ Việt-nam
Tất cả thanh-niên Việt-nam

sẽ đọc

Bổn-phận người đàn bà Việt-nam trước tình-thế hiện-thời

Số báo đặc-biệt xuất-bản ngày 20 Novembre 1941 của tờ *Tuần-báo Đàn-bà*, tờ báo đã được tín nhiệm của mọi gia-đình.

Hãy giữ trước tại các đại-lý ở toàn xứ Đông-dương hoặc gửi 0p.30 tem cho Mme Thụy-An Directrice de la Revue TUẦN-BÁO ĐÀN-BÀ *75, Rue Wiélé — Hanoi*

ĐẠI-TÂY-DƯƠNG

NHẠT-NHAM

ĐẠI-TÂY-DƯƠNG là một cái biển to rộng 1 000 triệu cây số vuông, phân cựu-lục-địa và tân-thế-giới. Một bên là Âu-châu và Phi-châu: một bên là Mỹ-châu; giao-thông với nhau bằng một luồng giây điện đặt ngầm dưới đáy biển sâu tới 8 500 thước tây.

Từ lâu, Đại-tây-dương vẫn giữ một địa-vị trọng-yếu trên thương-trường thế-giới, lại có quan hệ rất lớn đến tình-hình quân-sự quốc-tế. Riêng Anh và Hoa-kỳ là hai nước có nhiều quyền-lợi trên Đại-tây-dương. Bao nhiêu lực-lượng, bao nhiêu sinh-lực của Anh đều nhờ có Đại-tây-dương đem lại những tài-nguyên ngồn-ngộn của bốn phương trời.

Anh giao-thông với các nước trên mặt địa-cầu phần nhiều nhờ các đường hàng-hải. Có năm đường vận-tải chạy qua Đại-tây-dương tới cù-lao Anh trên biển Manche.

1 / Con đường thứ nhất phát-nguyên từ Viễn-Đông, qua Úc-châu, Ấn-độ, vịnh Ba-tư, Hồng-hải, kênh-đào Suez, Địa-trung-hải, theo miền duyên-hải Tây-ban-nha và xứ Bretagne (Pháp), tới Bắc-hải và vịnh Irlande;

2 / Con đường thứ hai từ Úc-châu, quanh miền duyên-hải Đông-Phi, doi đất Bonne Espérance, Dakar, rồi gặp đường trên ở doi đất St Vincent;

3 / Con đường thứ ba từ Rio de la Plata thẳng xuống miền duyên-hải phía đông Nam My, qua cù-lao Cap Vert, Canaries, rồi gặp hai đường trên, ở cùng một nơi (tây-nam Bồ-đào-nha);

4 / Đường này từ Panama qua vịnh Caraïbe, đảo Açores, tới thẳng biển Manche;

5 / Đường thứ năm nối Nữu-ước với Anh và miền tây Âu-châu.

Trên con đường vận-tải số 1, thì kênh-đào Suez là quan-hệ hơn cả. Công-trình vĩ-đại của Ferdinaud de Lesseps, kênh-đào Suez là một huyết-quản của Anh, liên-lạc đông với tây, làm then khóa cho Địa-trung-hải và giúp Anh giữ-gìn trật-tự trong việc giao-thông trên mặt bể.

Trong thời-kỳ Âu-châu trước, vì phòng-bị địch-quân công-kích, nên năm 1917, Anh đã dùng đường qua doi đất Bonne Espérance trong sự giao-thông Rồi từ 1925, 1926, mấy nơi thương-khẩu như Sainte Hélène, Simoustoun trước kia đã mất vẻ phồn-thịnh từ ngày có kênh-đào Suez, lại trở lại xâm-uất với cuộc đón tiếp các thương-thuyền qua lại hải-phận.

Mỗi khi tình-thế Địa-trung-hải trở nên nghiêm-trọng, như hồi 1935-1936, các hãng bảo-hiểm hàng-hải tăng các phí-khoản, nên các tàu buôn không theo đường Suez mà kéo xuống miền nam, quanh doi đất Nam-Phi, vào Đại-tây-dương.

Đến năm 1939, khởi cuộc chiến-tranh, Anh cũng do con đường Nam-Phi chuyển hàng-hóa ở Ấn-độ-dương vào Đại-tây-dương. Sau thấy Địa-trung-hải được yên lặng, Anh lại dùng đường Hồng-hải để giao-thông với Đại-tây-dương.

Kịp lúc Ý dự chiến, giữ trách-nhiệm công-kích trên Địa-trung-hải, kênh-đào Suez trở nên hiu-quạnh! Từ mùa xuân 1940, Đại-tây-dương thành một con đường vận-tải duy nhất trong sự giao-dịch quốc-tế, mà Açores và Dakar trở nên quan-trọng, vì địa-thế tiện cho sự vãng-lai các tàu buôn từ Nam-Mỹ hay Ấn-độ-dương đi lại. Từ duyên-hải Açores đến miền bắc-cực đảo Islande, hằng ngày, có từng đoàn chiến-thuyền hay thương-thuyền qua lại, trên chất đầy khí-giới, đạn dược, lương-thực của Hoa-kỳ đưa sang giúp Anh để chiến-đấu với Đức. Việc vận-tải càng ngày càng hoạt-động mà hiện nay, vì cuộc chiến-tranh đương bành-trướng, nên sự giúp-đỡ ấy càng cần phải mau-chóng và tăng gấp bội phần.

Đức đã từng để ý đến việc vận-tải ấy ngay từ ngày khởi cuộc chiến-tranh, nhất là từ sau khi Hoa-kỳ ban-hành đạo luật giúp khí-cụ cho Anh, nên vẫn-luôn luôn cho tàu ngầm đi công-phá các tàu vận-tải Anh và Hoa-kỳ trong Đại-tây-dương.

Chín tháng đầu cuộc chiến-tranh, nhờ có chiếm-hạm tối-tân của Pháp hộ-vệ, nên sự giao-thông của Anh trên Đại-tây-dương được yên-ổn Đức thiệt-hại rất lớn! Một phần ba tàu ngầm Đức theo nhau chìm xuống đáy bể!

Sau khi Pháp-Đức ký hiệp-ước đình-chiến, Đức được dùng các nơi căn-cứ tại miền duyên-hải Hà-lan, Bỉ, Pháp và Na-uy của Đức đã chiếm được. Từ đó, Anh không có Pháp trợ-chiến trên mặt bể, nên phải vất-vả để phòng quân địch.

Từ Juillet đến Octobre 1940, không-quân Đức luôn luôn đi tàn-phá các thị-trấn Anh mà nhất là Luân-đôn vẫn thường ở dưới các trận mưa bom không ngớt. Còn trên mặt Đại-tây-dương, các tàu ngầm Đức lúc ẩn, lúc hiện, hết sức tầm-nã các tàu vận-tải Anh và Hoa-kỳ, khởi nhiều cuộc thủy-chiến rùng-rợn chôn vùi biết bao sinh-mệnh và khí-cụ dưới làn nước biếc mênh-mông!

Mùa đông 1940-1941, các đoàn tàu vận-tải Anh thiệt-hại rất ít !

Février 1941, cuộc chiến-tranh thêm kịch-liệt, trên bộ cũng như dưới nước, Anh mất chừng 7 triệu tấn tàu.

Kịp đến khi Đức tấn-công vào miền Ba-nhĩ-cán, nhiều chiến-thuyền Anh bị đắm trong khi quân-đội Úc-châu ở đảo Crète rút về.

Cuối tháng Août 1941, Đức công-bố đã đánh đắm được tất cả 80 triệu tấn tàu Anh từ lúc khởi cuộc chiến tranh đến giờ.

Với số thiệt-hại ấy, nếu không có Đồng-minh mà nhất là Hoa-kỳ trợ-lực, một mình Anh không thể sản-xuất đề đủ cung cho một cuộc trường-kỳ đề-kháng.

Thủ-tướng Anh đã từng nhiều phen đứng trước những tình-thế nghiêm-trọng, lớn tiếng công-bố sẽ đi tới cuộc toàn-thắng, bằng vào sự giúp đỡ của Hoa-kỳ mỗi ngày một tăng gấp bội.

Vì đoàn vận-tải khí-cụ bị thiệt-hại nhiều trong Đại-tây-dương, nên Anh-Mỹ tìm phương phòng-thủ.

Hoa-kỳ chiếm đảo Islande, đem quân đồ bộ, rồi chia hải-phận từ Islande đến Hoa-kỳ làm miền nguy-hiểm, hạ lệnh cho các chiến-hạm Mỹ đánh tàu của quân địch qua đấy, đề đoàn vận-tải Anh qua lại trên Đại-tây-dương được yên ổn.

Gần đây, vì nhiều tàu hộ-tống Hoa-kỳ bị hải-quân Đức đánh đắm trong Đại-tây-dương, nên Chính-phủ Hoa-kỳ — trong khi hạ lệnh cho các khu-trục-hạm, các tuần-dương-hạm và phi-cơ thuộc hạm-đội tuần-tiễu đi lùng các tàu Đức đề trả thù — đang trù-tính hủy đạo luật trung-lập hoặc sửa-đổi một phần lớn đạo luật này đề tăng việc trợ-lực các nước đương theo cuộc tranh-đấu với các cường-quốc phe Trục.

Muốn che chở cho đoàn vận-tải được vô sự trên mặt bể, hạm-đội Mỹ sẽ được phép đặt súng đề bắn các tàu lặn và tàu ô gặp trong hải-phận của Mỹ phòng-thủ.

Như vậy, tức là bắt đầu một trận thủy-chiến chưa tuyên-bố giữa Hoa-kỳ và phe Trục.

Trên mặt Đại-tây-dương, một ngày không xa, sẽ sóng gió ầm ầm, vì như nhời Tổng-thống Roosevelt đã tuyên-bố, Hoa-kỳ cần phải duy-trì sự tự-do trên mặt bể ! . . .

NHẬT-NHAM

TIN VẮN HẰNG TUẦN

Đông-dương

Hôm 22 Octobre 1941, hội-nghị báo giới đã họp tại sở Kinh-tế ở phủ Toàn quyền. Trước mặt các đại biểu của báo chí Bắc kỳ, ông giám-đốc sở Kinh tế có bày tỏ cái địa-vị của nền thủ công ở Đông dương và báo tin cho ai nấy hay rằng sẽ có cuộc thi về thủ công vào dịp hội chợ tới đây.

Dân Pháp, dân thuộc địa hay dân bảo hộ của Pháp ở Đông dương đều được dự thi, miễn là đã có chưng bày hàng hóa ở Hội chợ. Kỳ thi này sẽ mở vào những ngày đầu của hội chợ. Vậy những người nào muốn dự thi, thì phải viết đơn gửi lên sở Tổng thanh tra sở khoáng-sản và kỹ-nghệ trước ngày 30 Novembre 1941, rồi nơi này sẽ cho những người dự thi biết rõ những điều lệ cần thiết.

Ở Phan-thiết sẽ mở một trường huấn-luyện theo phương-pháp Hébert cho phụ-nữ Pháp-Nam. Các cô và các bà phải từ 18 đến 32 tuổi mới được theo học. Hạn nộp đơn đến 10 Janvier 1942 là cùng, hạn học trong 3 tháng.

Ông Kenkichi Yoshizawa (Phương-Trạch), đặc-sứ Nhật ở Đông-dương, đã dời Đông-kinh, xuống tàu ở Kobé (Thần-hộ) đề sang Hanoi, ngày 31 Octobre 1941.

Quan Toàn-quyền Decoux đã làm lễ gia-miện cho Cao-miên quốc-vương ngày 28 Octobre.

Miên-hoàng đứng trên ngai nhận thanh gươm do quan Khâm-sứ Cao-miên dâng.

Chính-phủ nhất định mở trường đào tạo những nữ huấn-luyện ở Dalat từ 1er-2-42. Các cô, các bà theo học sẽ có chỗ ở trong trường. Ở, ăn, tiền học, quần áo thể-thao, mỗi tháng phải trả 40p.

Đơn xin theo học phải kèm giấy khai-sinh gửi đến phòng Thể-thao phủ Thống-sứ trước ngày 15 Décembre. Các cô và các bà phải nói rõ sức học ở trình độ nào hay đã có bằng cấp gì.

Những cô và bà nào không sung túc, Chính-phủ sẽ tùy theo trường hợp đặc biệt trợ cấp cho một phần hoặc tất cả tiền theo học.

Ngày 27 Octobre, quan Toàn-quyền Decoux đã ký một đạo nghị-định nói rõ về quyền mua các thứ hạt làm dầu như sau đây :

Khoản thứ nhất — Việc mua của các nhà sản-xuất, việc đài tải, việc chế, tích trữ, bán các hạt với dầu thầu dầu và lạc, các mỡ cá sông (cá ở nước ngọt) đều dành riêng cho Chính phủ hay cho các cơ quan của Chính-phủ hay của tư-gia mà chính-phủ cho phép được mua.

Khoản thứ hai — Tuy vậy các nhà sản xuất đều được phép trữ một số hạt có dầu, nhưng không được trữ các chất dầu.

Khoản thứ ba — Ai phạm nghị-định này sẽ bị phạt theo khoản thứ 46 trong luật ngày 11 Juillet 1938 nói về cách tổ chức quốc gia trong thời-kỳ chiến-tranh theo như khoản thứ 10 trong sắc lệnh ngày 2 Mai.

AI-TƯ VẤN

(Ngọc-Hân công-chúa khóc vua Quang-Trung)

Tiếp theo và hết

Nẻo u-minh [1] khéo chia đôi ngả,
Nghĩ đời phen, nồng-nã đôi phen!
Kiếp này chưa trọn chữ « duyên »,
Ước xin kiếp khác vẹn nguyền lửa hương.
Nghe trước có đấng vương Thang [2] Võ [3],
Công-nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao,
Mà nay áo vải, cờ đào [4]
Giúp dân, dựng nước biết bao công-trình!
Nghe rành rành trước vua Nghiêu [5], Thuấn [6]
Công-đức dầy, ngự vận càng lâu.
Mà nay lượng cả, ơn sâu,
Móc mưa rưới khắp chín châu [7] đượm nhuần!
Công dường ấy mà nhân dường ấy,
Cõi thọ sao hẹp bấy, Hóa-công?
Rộng cho chuộc được tuổi rồng,
Đổi thân ắt hẳn bõ lòng tôi ngươi [8].
Buồn thay nhẽ! sương rơi, gió lọt,
Cảnh đìu-hiu thánh thót châu sa!
Tưởng lời di-chúc thiết tha,
Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê!
Buồn thay nhẽ! xuân về, hoa ở [9]!
Mối sầu riêng ai gỡ cho xong?
Quyết liều mong vẹn chữ « tòng »,
Trên rường nào ngại, giữa giòng nào e!
Còn trứng nước thương vì đôi chút,
Chữ « tình thâm » chưa thoát được đi [10].
Vậy nên nấn-ná đôi khi,
Hình tuy còn ở, phách thì đã theo.
Theo buổi trước ngự đèo Bồng-đảo [11],
Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân [12]
Theo xa thôi lại theo gần,
Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa.
Đương theo bỗng tiếng gà sực tỉnh,
Đau đớn thay ấy cảnh chiêm-bao!
Mơ-màng thêm nỗi khát-khao,
Ngọc-kinh [13] chốn ấy ngày nào tới nơi?
Tưởng thôi lại bồi-hồi trong dạ,
Nguyện đồng-sinh sao đã kịp phai?
Xưa sao sớm hỏi, khuya bày?
Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ;
Giờ sao bỗng thờ-ơ lặng lẽ?
Tình cô-đơn ai kẻ xét đâu!
Xưa sao gang tấc gần chầu,
Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh ca;
Giờ sao bỗng cách xa đôi cõi?
Tin hàn huyên khôn hỏi thăm lanh!
Nửa cung gẫy phím cầm lành [14],
Nỗi con côi-cút, nỗi mình bơ-vơ!
Nghĩ nông-nỗi ngẩn ngơ đôi lúc,
Tiếng tử-qui [15] thêm giục lòng thương..
Não người thay! cảnh tiên-hương [16],
Dạ thường quanh-quất, mặt thường ngóng trông...
Trông mái đông: lá buồm xuôi ngược,
Thấy mênh-mông những nước cùng mây!
Đông rồi thời lại trông tây:
Thấy non ngân-ngất, thấy cây rườm-rà!
Trông nam: thấy nhạn sa lác đác!
Trông bắc: thì ngàn bạc màu sương!
No trông trời đất bốn phương,
Cõi tiên khơi thẳm, biết đường nào đi!
Cậy ai có phép gì tới đó,
Dâng vật thường, xin ngỏ lòng trung.
Này gương là của Hán-cung,
Ơn trên xưa đã soi chung đôi ngày;
Duyên hảo-hợp xót rày nên lẻ [17]!
Bụng ai hoài [18] vội ghẽ [19] vì đâu?
Xin đưa gương ấy về chầu,
Ngõ [20] soi cho tỏ gót đầu trông ơn [21].
Tưởng linh-sảng [22] nhơn-nhơn còn dấu,
Nỗi sinh-cơ có thấu cho không?
Cung xanh đương tuổi ấu-xung [23]
Di mưu [24] sao nỡ quên lòng đoái-thương?
Gót lân-chỉ, [25] mấy hàng lẫm-chẫm
Đầu mũ mao, mình tấm áo gai [26]!
U-ơ ra trước hương đài,
Tưởng quang cảnh ấy, chua cay dường nào!
Trong sáu viện [27] ố đào, ủ liễu,
Xác ve gầy lỏng-lẻo xiêm nghê [28]!
Long đong xa cách hương quê
Mong theo; làm lối! mong về: tủi duyên [29]!
Dưới bệ ngọc, hàng uyên [30] vò-võ,
Cất chân tay thương khó xiết chi!
Hang sâu nghe tiếng thương bi,

Kẻ sơ còn thế, huống gì người thân (31)?
Cảnh ly-biệt nhiều phần bát-ngát,
Mạch sầu tuôn ai tát nên vơi!
Càng trông càng một xa vời,
Tấc lòng thảm thiết, chín trời (32) biết chăng?
Buồn trông trăng, trăng mờ thêm tủi,
Gương hằng nga đã bụi màu trong!
Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,
Thiên duyên lạnh-lẽo, đêm đông biên hà (?).
Buồn xem hoa, hoa buồn, thêm thẹn,
Cánh hải đường đã quện giọt sương!
Trông chim càng dễ đoạn trường,
Uyên-ương chiếc bóng (33) phượng hoàng lẻ đôi!
Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy,
Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu.
Phút giây bãi bể, nương dâu, (34)
Cuộc đời là thế, biết hầu nài sao? (35)
Chữ « tình nghĩa » trời cao, đất rộng.
Nỗi đoạn-trường còn sống, còn đau.
Mấy lời tâm-sự trước sau,
Đôi vầng nhật nguyệt trên đầu chứng cho...

---

1. « U » là tối-tăm, chỉ về âm-gian; «minh» là sáng-sủa, chỉ về dương-gian.

2. Thành-Thang (1766 tr. T. L.) là vua nhà Thương đánh chúa Kiệt nhà Hạ để cứu dân khỏi vòng khổ-sở.

3. Chu Võ-vương (1122-1115 tr. T. L.) lật đổ chúa Trụ nhà Thương, thực-hạnh công-cuộc cứu dân, phạt tội.

4. Chỉ vua Quang-trung ban đầu chỉ là một người dân thường mặc áo vải, từ Tây-sơn, phất cờ nổi lên.

5. Đường Nghiêu(2357-2285 tr. T. L. là vua hiền đời xưa bên Tàu.

6. Ngu-Thuấn, 2285-2261. tr. T. L. cũng là bực minh quân đời xưa của Trung-hoa.

7. « Chín châu » là do chữ « cửu châu » của Tàu mà ra. Vì xưa Tàu chia trong nước làm chín châu, nên sau người ta quen dùng cái thành ngữ « chín châu » để chỉ về đất nước.

8. Ý nói giá thử tác-giả có thể đem thân mình mà thế mạng để nhà vua được sống lâu thêm tuổi thì cũng thỏa lòng.

9. Đây là một tỉ-dụ: « Xuân » ví với vua Quang-trung; « hoa » ví với Ngọc-hân công-chúa.

10. Ý nói có thể chết theo chồng bằng cách hoặc tự ải trên rường nhà hoặc tự trầm xuống dòng nước được; nhưng vì còn vướng có hai mụn con hãy còn bé-mọn, trứng nước, nên phải dằn lòng ở lại để làm tròn bổn-phận người mẹ góa.

11. Bồng đảo tức là núi Bồng-lai, tên một núi tiên hoặc núi thần. Theo Sử-ký tàu, thì Bồng-lai ở trong Bột-hải, tại đó có các tiên và thuốc bất-tử, có chim muông tuyền trắng và cung-khuyết bằng vàng bạc.

12. Sông Ngân tức là Vân-hán, cũng có tên là Ngân-hoàng hay Thiên-hàng. Những đêm mây tạnh, trời quang, nhất là những đêm vào khoảng cuối hạ, đầu thu, trên khoảng-không hiện ra một dải sắc trắng đục mờ, loằng-ngoằng như khúc sông, rộng từ 10 đến 15 độ, đó là do vô-số hằng-tinh sáng mờ họp lại thành ra, mà người ta quen gọi là Ngân-hà. Lâu thành thành-ngữ chỉ về cõi nhà trời. — Ý tác-giả nói chiêm-bao thấy mình theo vua Quang-trung hoặc vào cõi tiên, hoặc lên trên trời.

13. Ngọc-kinh là chỉ về chỗ ở của vị thiêng-liêng. Xuất-xứ ở Ngụy-thư chép về Lão-tử nói mình sinh trước trời đất, để giúp muôn loài, ở nơi *Ngọc kinh*, làm tông của bực thần vương.

14. Ý nói vợ chồng đang đoàn-tụ, hồng cái chết xông đến cắt giây ân ái khiến người nửa đời lẻ-loi, cũng như đàn cầm mới gảy được nửa cung, thình-lình đứt dây gãy phím, ai không thổn-thức đau thương!

15. Tức là con quốc, chữ nho gọi là *đỗ-nguyên*, hoặc *tử qui* hoặc *đỗ-vũ*. Mà Đỗ-Vũ thì là tên vua Thục xưa. Trong *Thành-đô ký* chép rằng: « Đỗ-Vũ chết, hồn người hóa làm con chim tên gọi Đỗ-quyên, cũng gọi là Tử-qui ». Tiếng quốc khắc-khoải ai hoài dễ gợi lòng người nhớ-nhung buồn-bã...

16. Chỉ cõi tiên.

17. Đau-xót rằng duyên vợ chồng đang sum-họp đẹp đẽ nay bỗng chia-rẽ, lẻ loi!

18. Ba chữ *bạng ai hoài* có người đoán có lẽ là *bóng phượng loan*.

19. *Vội ghê* nghĩa là vội vàng chia-ghẽ. Có bản quốc-ngữ in là *lạnh-ghẻ*.

20. Ngõ hầu.

21. Có bản quốc-ngữ in là mông ơn.

22. Tinh-anh thiêng liêng sáng-láng.

23. Chỉ về Thái-tử tuổi còn thơ-ấu.

24. *Di mưu* nghĩa là để lại mưu-mô lo-toan cho con cháu. Đó là lấy chữ trong kinh Thi: « *Di quyết tôn mưu* ».

25. Trong kinh Thi, thơ « *Lân chỉ* » nói về điềm vợ vua sinh nhiều con hay và quí.

26. Ý nói mấy con hãy còn bé-bỏng, thế mà đã gặp tang tóc đáng thương.

27. Tức là *sáu cung*. Ý nói cung-nhân trong sáu viện đều phai thắm, kém tươi vì gặp tang vua Quang-trung.

28. Do chữ *nghẽ thường* mà ra, Ý nói cung-nhân vì buồn-rầu mà thân-thể gầy võ tiều-tụy như xác ve, đến nỗi mặc quần áo thấy rộng, lỏng cả!

29. Vì lòng thương nhớ quá đỗi, bồn-chồn muốn theo đi với nhà vua thì âm dương cách-biệt, lạc lối biết tìm đâu! Hốt-hoảng muốn quay về, sống đời thực-tế, thì những buồn duyên, tủi phận bời bời...

30. Chỉ về ban-thứ trong Triều.

Xem tiếp trang 20

Góp vui

Giữ ngọc, gìn vàng

THỤY-VÂN là một kỹ-nữ có tiếng ở Hằng-châu, thông-minh nhan-sắc không ai sánh kịp. Khi cô 14 tuổi, mẹ cô bắt cô tiếp khách, Thụy-Vân thưa rằng :

— Cả một đời con quan hệ ở lúc này. Mẹ con ta nên thận-trọng. Ai muốn lại chơi, xin mẹ cứ định giá là 15 đồng tiền vàng.

Hằng ngày cô tiếp khách. Những người muốn được cô tiếp, phải mang lại một thứ quà gì. Nếu món quà ấy hậu thì cô đánh với họ một ván cờ hay biếu một bức tranh. Nếu món quà ấy bạc, thì cô chỉ mời chén nước trà thôi. Chẳng bao lâu danh-tiếng cô lừng lẫy, và hằng ngày những khách rất giàu có, rất lịch-sự lần lượt ra vào.

Bấy giờ ở Ngu-hàng có một chàng, tên là Hứa, sớm nổi danh là người có tài, nhưng gia-sản chẳng có gì mấy. Dẫu mê Thụy-Vân, Hứa vẫn không dám mơ-tưởng đến chuyện cầu-thân. Hứa cố kiếm lấy một cái quà mọn, mong được cô hạ cố tiếp chuyện. Nhưng chỉ e nếu cô so-sánh với bọn giàu sang đang vồ-vập cô, thì cô sẽ không để ý đến một chàng si-tình nghèo khó như mình ! Ngờ đâu khi thoạt đến, Hứa mới cùng cô trao đổi vài câu, cô đã tiếp Hứa rất ân-cần. Nói chuyện hồi lâu, cô nhìn Hứa với yêu-đương, lại đưa cho anh ta một bài thơ cô tự nghĩ lấy :

Hay hoàng này cửa dao-đài,
Xin chi nước gạo như ai cho phiền !
Vì tìm ngọc chử cầu duyên,
Thì đây sẵn có, tần-phiền đâu xa...

Chàng thiếu-niên ấy mừng lắm, muốn cùng cô nói chuyện nữa, nhưng người thị-tỳ vào báo có khách. Hứa rất bối rối lui ra.

Khi về nhà, Hứa đọc lại bài thơ, trong lòng rối loạn. Vài hôm sau, không thể đè-nén được cảm-tình, anh ta ăn mặc rất bảnh-bao, lại đến nhà Thụy-Vân. Cô niềm-nở tiếp Hứa, rồi ngồi bên anh ta, cô ra dáng lo-ngại, hỏi nhỏ anh ta rằng :

— Có muốn ngủ lại ở đây một đêm không ?

Hứa giả nhời :

— Tôi là một anh hàn-sĩ, chỉ có cái cuồng-vọng là được cô đoái tình đến mà thôi. Cái quà mọn mà tôi biếu cô đã làm cho tôi sạt nghiệp ! Tôi đâu dám mơ ước « cao xa » hơn nữa để đến khánh-kiệt cả gia tài.

Thụy-Vân nghe thấy thế, lấy làm buồn-rầu. Hai người ngồi cạnh nhau, không nói năng gì nữa. Hứa chưa đi, mẹ cô ta nóng ruột, thúc gọi đến năm bảy lần...

Sau Hứa đi, sầu khổ đến nỗi muốn bán hết cả gia-tài để mua vui một lúc rồi đi cho biệt tích, nhưng Hứa lại không thể chịu đựng được cái tư-tưởng ấy nó giày vò. Bàn đi tính lại mãi, Hứa thất-vọng và từ đấy chẳng thấy ai nói đến Hứa nữa.

Còn Thụy-Vân mấy tháng sau, chẳng gặp một người khách nào xứng ý mình. Mẹ cô tức mình, bắt cô « làm tiền », nhưng cô không chịu.

Một hôm, một thày Tú đem quà đến, ngồi cạnh cô, nói chuyện một lát, rồi đứng dậy, vừa lấy ngón tay dí vào trán cô, vừa nói :

— Đáng tiếc ! Đáng tiếc !

Rồi thầy Tú đi. Thụy-Vân tiễn chân thầy Tú xong, xem trán mình thấy một vết đen như mực. Cô càng rửa cái vết ấy đi, nó càng rõ thêm. Vài hôm sau, cái vết ấy loang to. Một năm sau, nó loang khắp cả mặt. Không ai trông thấy mặt cô kỹ-nữ khốn-nạn ấy mà không bật cười. Khách xa-mã không còn một ai. Mụ giàu không cho cô trang-điểm nữa, và « giáng » cô xuống hàng nô-tỳ.

Yếu-ớt, héo-hon, cô không thể chịu được sự đầy-đọa ấy và mỗi ngày một hao mòn mình ve.

Hứa nghe thấy vậy, đến thăm cô và thấy cô đương ở trong bếp, đầu bù, tóc rối, nom ghê-gớm như con ma.

Cô ngẩng đầu lên trông, biết là chàng, bèn giấu mặt vào tường. Hứa thương-xót, đi tìm mụ giầu để mua lấy Thụy-Vân. Mụ giầu bằng lòng. Hứa bán ruộng, dốc túi, và đem người thiếu-nữ ấy về.

Khi qua ngưỡng cửa, cô lấy vạt áo che nước mắt, và không muốn tự coi mình như vợ chàng. Cô muốn chàng sau này lấy người vợ hai. Nhưng chàng nói :

— Cái vật có giá-trị ở trong đời là tình tri kỷ. Cô đã tỏ tình tri kỷ với tôi trong thời cô oanh-liệt, bây giờ cô cùng khổ, sao tôi lại không yêu cô ?

Rồi Hứa không lấy vợ khác nữa. Người ta chế-riễu, nhưng Hứa lại càng quả-quyết.

Một hôm, Hứa đến Tô-châu, gặp trong tửu-quán một chàng tên là Hồ. Hồ hỏi Hứa về tin-tức danh-kỹ Thụy-Vân ở Hằng-châu. Hứa giả lời :

— Cô ta lấy chồng rồi !

— Lấy ai ?

— Lấy một người vào hạng tôi.

— Nếu chồng cô ấy giống anh thì thực là một người giỏi. Nhưng bắn chuộc cô ta bao nhiêu tiền ?

— Cô ta chẳng may bị một tai-nạn, nên mới chuộc được giá rẻ. Nếu không thì một người vào hạng tôi dễ đã với được một ngôi sao ở chốn lầu xanh ?

Hồ lại hỏi Hứa rằng người ấy có thật giống Hứa không ? Hứa thấy hỏi thế, lấy làm lạ, cũng hỏi lại Hồ, thì Hồ mỉm cười giả nhời rằng :

— Tôi không muốn giấu anh nữa. Ngày trước tôi đã được gần mỹ-nhân một lúc, tôi thấy con người tuyết-thế giai-nhân mà chịu long-đong, không tìm được người tri-kỷ, nên tôi đem lòng thương. Vì thế, tôi dùng một thuật lam cho nàng kém lộng-lẫy để giữ được mãi cái xuân và chờ-đợi tấm ái-tình xứng-đáng, nó là cái gương phản-chiếu linh-hồn nàng.

Hứa vội hỏi :

— Cái vết anh đã bôi đấy anh có thể xóa đi không ?

Hồ mỉm cười giả lời :

— Sao tôi lại không xóa đi được, nếu chồng cô ta thực bụng nhờ tôi việc ấy.

Bấy giờ Hứa vái Hồ và nói :

— Chồng cô Thụy-Vân chính là tôi đây.

Hồ, xiết bao sung-sướng, giả lời :

— Ở đời chỉ có những người trượng-phu mới chung-tình, vì những người ấy không trọng nhan-sắc mà khinh phần trí-tuệ. Xin anh đem chị ấy lại đây, tôi xẽ làm cho chị ấy lại đẹp như xưa.

Khi hai vợ chồng Hứa đến, Hứa muốn mời Hồ uống rượu, nhưng Hồ gạt đi :

— Tôi làm cái thuật của tôi đã, anh bảo dự-bị sẵn-sàng cả đi, rồi anh sẽ được sung sướng.

Hồ bảo mang một cái chậu lại, đổ đầy nước vào, lấy ngón tay thư-phù vào nước, rồi gọi người thiếu-phụ ra, bảo rằng :

Chị rửa mặt bằng nước này thì chị sẽ khỏi. Nhưng các thân-thích chị phải lánh xa, chỉ có thày lang này được ở lại thôi.

Hứa mỉm cười đi ra, chờ cho Thụy-Vân rửa mặt xong. Tay cô ta đưa đến đâu thì mặt trắng ra đến đấy và cô ta lại đẹp lộng-lẫy như trước.

Vợ chồng Hứa ngạc-nhiên, chưa cạn lời cảm tạ ân-nhân, thì người đã biến mất rồi. Bấy giờ vợ chồng hắn mới biết người là một vị tiên.

Kính thần

VŨ-VĂN-LỄ

dịch thuật

Ai-tư vãn

Tiếp theo trang 18

31. Những kẻ tình thì sơ, ở thì xa tít tận nơi núi sâu hang thẳm, thế mà cũng động lòng bi-thương khi nghe tin nhà vua thăng hà ; huống chi những người vừa thân, vừa ở gần, gặp tình cảnh này, xiết bao cảm-thương đau-đớn !

32 Do chữ « *cửu thiên* » mà ra. *Chín trời* là trung-ương, bốn phương chính và bốn góc. Ý nói tình-cảnh người sống thế này, chẳng hay tinh-linh người thác ở nơi *cửu thiên* có thấu cho chăng.

33. Tên một loài chim. Con đực gọi là « uyên » (hoặc oan), con mái gọi là « ương » thường ở đôi với nhau mà không chia lìa. Nên người ta dùng uyên ương để ví với cặp vợ chồng hòa-thuận. Đây nói « *uyên-ương chiếc bóng* » nghĩa là chồng chết, vợ còn, ngán nỗi lẻ-loi, chia-rẽ !

34. Do câu chữ nho « *Thương-hải biến vi tang điền* » mà ra. Đây là một thành-ngữ chỉ về cuộc thay đổi biến thiên ở đời.

35. Mấy tiếng này là dịch theo chữ nho : « *Tương nại chi hà* ». Cũng như nói : biết làm thế nào, biết tính ra sao !

Thống-chế Pétain đã nói :

« Hỡi người Pháp và người « Đông-dương :

« Không ai đem bán, đánh « lừa, và bỏ mặc các người. Kẻ « nào nói với các người như « thế là họ nói dối đấy. Họ đặt « các người vào tay đảng « Cộng-sản ».

Sách mới

Tri-Tân mới nhận được :

1°) **Confessions of a silent lover** (*Confessions d'un amoureux silencieux*) của Nguyễn ngọc Bích viết bằng Anh-văn, giấy đẹp, có bìa vẽ. Sách dầy ngót 60 trang. Ông Nguyễn ngọc Bích là người đầu tiên dùng đầu đề của ta viết sách bằng Anh-văn, tuy là một thiên tiểu thuyết. Nghe đâu ông còn định soạn các sách giáo-khoa nữa.

2°) **Mùa Cổ-điển**, thơ của Quách-Tấn, in bằng giấy lụa gió, dầy 57 trang, sau đây những nhời tựa của ông Chế lan Viên :

« Với những bài thơ đầu, Tản-đà đã không ngại ngần đặt Quách-Tấn bên Yên đổ, bà huyện Thanh quan, Tôn thọ Tường... Thì với tập thứ hai này, sao tôi không đủ can đảm để nói rằng qua các cổ nhân đến bây giờ, bạn trẻ chúng ta mới tìm thấy những bài bất tử mà chúng ta yêu được hoàn toàn... »

Bản chí xin cảm tạ các tác giả và vui lòng giới thiệu cùng độc giả Tri-Tân.

Hộp thư

Bạn *Kiều Thanh-Quế, Cần thơ.*— Đã nhận đặng hai bài của bạn. Xin cám ơn. Bài Q. S. C. Đ., sẽ đăng. Bài T. H. T., bạn gởi trọn ra cho.

Bạn *Nguyễn Triệu, Vạn hoa.* — Viết tiếp nhiều bài rồi gửi về cho. Đa tạ. Xin « lại quả » biếu T. C. món « S. N. T. ».

Ô Xuyên-Hồ, Thanh-hóa. — Đã nhận được kịch N.T.T. Sẽ đăng vào số «Xuân Nhâm-ngọ ». Có bài khác, xin cứ gửi ra cho. Hoan nghinh và cám ơn.

TRẦN CAN

SỐ 3

KỊCH LỊCH-SỬ BA HỒI BẰNG THƠ

PHAN-KHẮC-KHOAN viết

Tiếp theo và hết

QUÍ-LY *(vào cuối cùng)*

Ái-phi hỡi ! những tưởng hai năm trời ly-biệt,
Đã dứt tình thơ thẩm, Ái-phi ơi !
Nhưng nhi-nữ đã tỏ lòng cương-liệt,
Khi nhà thơ anh-dũng mới qua đời.

∴

Dẫu xây được muôn Tây-đô hùng-vĩ,
Cũng không tài khôi-phục một Cung-phi,
Cũng không thể chuyển rung hồn nghĩa-sĩ,
Đây lòng ta đương gợn ý cuồng-si.

Thôi đã tắt một mùa xuân trong gác thắm,
Đã đen ngầu khắp cả một trời thơ.
Trông mây nước khi lạt màu chau gấm,
Lòng ta đương cảm thấy nỗi trơ-vơ.

∴

Giờ ảm-đạm thiêng-liêng và khủng-khiếp'
Phút hãi-hùng nghiêm-trọng của đời ta :
Những hung-hãn đã điêu-tàn bên kiếm thép,
Những oai-hùng oanh-liệt thảy tiêu-ma.

Ân hận quá, lòng ơi, khi giác tỉnh,
Phút công bình âu lẽ chỉ hôm nay.
Lòng nhân-nghĩa bồng vờn lên quá đỉnh,
Sau những ngày ác nghiệt lần cuồng say.

Vì một ý giao hùng và khốc liệt,
Mà vườn trần bay mất một tiên-nga,
Ma cõi thế trang anh-hào vĩnh biệt,
Để tang buồn cho tất cả những tài hoa !

Dấu hồn thiêng của thi-nhân đành vĩnh viễn,
Nhưng từ nay đã vắng hẳn một ngôi cao.
Kìa vũ-trụ hoang-mang đây ảo huyền,
Khi trời thơ tắt lịm một vì sao.
Qui-Lý hỡi, nghiệp Trần kia rực-rỡ,
Ngươi đã dám ngang nhiên làm rạn vỡ ;
Nhưng trời ơi, cao quí quá ngôi thơ,
Tài Ly đây, không chiếm đoạt nổi bao giờ !
— Ngôi thơ báu của anh-hùng thi-sĩ,
Đầy tham sắc uy linh và dũng vĩ —

Mà Ly này thì chiếm-đoạt một ngôi vua ?
Tài vơi nông, lòng nhỏ hẹp, trí non thua,
Đã hãm hại đấng Trần Can muôn thuở
Tâm-trí hỡi, nghìn năm thôi đã lỡ !
— Chiếc kiếm vàng xông xáo giữa muôn quân,
Sao không qui hàng bên ngọn bút của thi-nhân ?

∴

Xin vái nguyện trước muôn trùng Cao-Cả
Cho tình thắm của gian-nhân dũng quả
Và linh hồn oai liệt của thi-vương,
Sẽ muôn đời siêu thoát vạn biên cương ! . .

(Về ngao ngán và hối hận

ĐỒNG CA HỢP XƯỚNG : (1)

(Tất cả ban kịch cùng đọc, lúc 1, 2 người, lúc 3, 4 hoặc 5, 6 người)(2)

Hỡi những bậc thi-nhân, lòng khẳng-khái.
Đa mang theo bao sứ-mệnh anh-thần ;
Đây tất cả đương tôn sùng kính ái
Những thi-hào cương quắc, những siêu nhân,

∴

Những thi-sĩ anh-hùng và dũng hãn !
Mang trên đầu muôn vạn ánh quang-minh ;
Trước gươm giáo sẽ cương cường ngạo mạn ;
Bút thần linh hơn sức ngọn gươm linh !

∴

Thi nhân hỡi ! khi lời thơ ngây-ngất
Vươn canh thần bay liệng khắp không-gian
Sẽ khinh hết những gươm vàng, lưỡi sắt
Và những lời mai mỉa của ngu man !

∴

Thi nhân hỡi ! hồn linh thiêng bất diệt
Của ngươi còn mãi mãi, mãi về sau
Và mãi mãi những trang anh tài tuấn kiệt
Sẽ dâng hương hoa, và cung kính nghiêng đầu.

PHAN-KHẮC-KHOAN

(HẾT)

(1) Theo « Chœur parlé » trong nghệ thuật kịch trường của Âu Mỹ.

(2) Khi xuất bản sẽ chỉ rõ cách đọc và diễn.

TẠP TRỞ

Những quân đi lừa

NẾU bạn đọc giở một tờ tuần báo lớn nào ở Pháp, bạn sẽ thấy mấy giòng quảng cáo sau đây :

— *«Ai muốn làm giầu xin gửi 5 quan cho giáo sư X.. ở hộp thư số.. ông sẽ bảo rõ những bí-quyết trở nên triệu phú. Hiện đã có nhiều người nhờ giáo-sư mà sống một đời vinh quang.»*

Độc giả theo lời đó mua ngân phiếu thì sau ít lâu sẽ nhận được một bức thư ngắn có mấy giòng :

— *«Ông muốn trở nên triệu-phú xin đi tìm các mỏ mà khai. Bằng không ông hãi làm như tôi đang làm đây »*

Đó, bí quyết làm giầu. Hiểu chưa, các bạn ? Họ xui các bạn nên lừa người như họ để có tiền. Chỉ có câu trả lời gọn thon-lỏn đó mà họ đã lấy trôi chỗ tiền các bạn đã gửi tới.

Một người, trăm nghìn người, ai cũng vì tò-mò muốn biết điều đăng báo, nên bị lừa ráo.

Nhưng cách lừa người đó cũng không tinh khôn và quỷ quyệt như thủ-đoạn sau đây :

Trong mục « *cần người giúp việc* » ở các báo lớn bên Pháp, các bạn chắc thường thấy đăng :

« *Muốn thuê người chép địa chỉ vào phong bì : 500 quan một nghìn, công việc có quanh năm. Ai muốn giúp, xin viết thơ cho ông X.. ở Lyon* »

Một thanh-niên tri-thức có thể theo lời đăng đó mà vừa học vừa kiếm thêm ít tiền giấy bút, vì công việc cũng chẳng mất thì giờ là mấy.

Nếu cũng theo đó mà gửi tới thì vài hôm sau các bạn sẽ nhận được một bức thơ đại khái nói :

« *Tôi rất vui lòng được ông giúp việc. Tôi cam-đoan công việc có quanh năm và rất lợi. Song ông làm ơn gửi tới 25 quan để chịu đỡ số tiền chi-phí tôi phải dùng để gửi các vật liệu cần cho ông trong buổi đầu* ».

Món tiền cũng chẳng là mấy. Sau khi gửi 25 quan, bạn sẽ nhận được một là thư mỏng gửi lối bảo-đảm và một quyển rao hàng.

Bạn sẽ ngạc-nhiên ? Thì hãi đọc bức thư đã :

— « *Ông muốn giúp việc xin theo lời dặn sau đây : ông ngày ngày nên ra tòa đốc-lý tỉnh ông ở chép những tên và chỗ ở của các thiếu-nữ sắp làm phép cưới và đã yết thị ở đó. Việc làm ấy tôi xin giả ông 4 quan một trăm địa chỉ chép vào phong bì ; còn số 50 quan một trăm, mà tôi đã đăng báo, là dành cho các người ngoại-quốc ở xa nước Pháp. Quyển quảng cáo tôi gửi theo đây có in sẵn các mẫu bàn ghế và đồ dùng trong nhà, ông nên gạn bán cho các bạn theo như giá đã kê sẵn, tôi sẽ biếu ông 10 phần trăm số tiền bán được.* »

Chỉ có thế thôi. Mà giá các đồ kê trong quyển đó thì, trời đất ôi, đắt gấp hai, gấp ba các hàng ở các hiệu ! Lẽ cố nhiên là không sao bán cho ai được.

Còn việc chép các địa-chỉ ? Thì hỏi bao giờ bạn chép cho được tên và chỗ ở của một trăm người sắp làm phép cưới để lĩnh 4 quan chứ không phải 50 quan đâu !

Thôi, họ đã dùng mẹo để lừa biết bao nhiêu người như bạn và để thu biết bao nhiêu số tiền 25 quan một cách dễ-dàng.

Cách kiếm tiền ngày càng khó-khăn thì mưu kế lừa người ngày càng thêm quỷ-quyệt !

(Y. Perrigault : Charlatans)
MẠNH-PHAN thuật

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt - Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách : VIỆT-NAM VĂN - PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc - kỳ, nên đọc quyển PHẬT - LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine
(*Septembre 1939 — Juin 1940*)
của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50
Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

KHI XUÂN ĐẾN :

Rung động theo dịp đàn gió xuân,
Tươi-tắn ngắm nụ cười hoa xuân,
Tưng-bừng, hớn-hở nghe giọng ca chim xuân,

TRI-TÂN sẽ cùng các bạn hòa giọng cùng đọc :

Mấy vần hoặc hùng-tráng, hoặc vui tươi,
Những bài linh - động, hứng - thú,
Những thiên khảo - cứu rất công - phu
trong số

«Xuân Nhâm-ngọ» (1942)

mà Tri-Tân đang tiến - hành, nhờ sự cộng-tác của mấy nghìn bạn đọc thân yêu.

Những khuynh hướng

tiếp theo trang 2

đến việc ông S. N. sau khi phải an-trí ở Huế, vì nó đăng nhiều chuyện trong dịp các nơi làm lễ truy-điệu ông Tây-hồ.

◆

Sau năm 1930, trải qua một cơn khủng-bố, ai cũng muốn tìm cách mua vui.

Nhìn thấy chỗ trống-rỗng và nghe rõ tiếng kêu-gào của sự nhu-cầu ấy, một nhóm nhà văn trẻ tuổi đứng dậy, viết những câu khôi-hài, hí-hước có duyên, vẽ những bức hí-họa bỡn-cợt, trào-phúng dí-dỏm, đập mạnh vào chỗ ham-muốn của nhiều người, gây thành cái khuynh-hướng vui-vẻ trẻ-trung trong văn-giới.

Theo cái đà này, một bọn « tài hoa son trẻ » cũng múa may quay cuồng trên đàn văn, gieo giắc bã rả của chủ nghĩa lãng mạn vào óc thanh-niên nam-nữ.

Trong thời kỳ này thơ mới rất được tự-do phát-triển.

Kết cục : gây trong văn học một cái khuynh hướng ủy mị !

◆

Những năm 1932, 1933, 1934, xứ này gặp phải cái nạn kinh-tế khủng hoảng, phần đông thanh niên, sau khi tốt-nghiệp, không chiếm được ghế trong các công sở, phải xoay kế mưu-sinh tùy theo bản năng và sở trường. Có một số xoay ra viết văn, làm báo. Những cây bút này phần đông không biết chữ nho, nên trong khi viết quốc văn, họ đã viết trật và dùng sai nhiều tiếng !

Khoảng năm 1936-1937, phong trào bình-dân sôi nổi một thời. Những nhà văn tả-chân xã-hội mọc lên như nấm. Vì vậy trong văn giới bấy giờ có cái khuynh-hướng xã-hội tả chân.

◆

Đó, những khuynh hướng trong văn học ta trước hồi Âu-chiến hiện thời đại khái là thế.

Nay, việc đời đã biến thiên, tư trào đã đổi khác, lẽ tất nhiên khuynh hướng trong văn học cũng vì thế mà không đứng im được.

Các bạn làng văn ! Cần phải nhìn vào thực tế, chú trọng vào thực-học, gây lấy cái khuynh hướng chuộng khoa học trong thời-buổi chúng ta đương sống này.

HOA-BẰNG

Ngắm xem nội hóa nước nhà,
đến chè NAM-LỘC mới là thanh hương !

Các quý khách thích uống nước chè
xin hỏi ngay chè **NAM-LỘC**

Bán tại :

Số 5, Phố Phúc-Kiến

HANOI

Đặt mua ngay từ giờ *Sách của quốc-học thư-xã*

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Tinh-hoa ngót 100 bộ kinh, Chuyện, Sử, Tử, nhiều tài-liệu, điển-cổ, cần-thiết cho sự hiểu biết Quốc-văn và văn-chương Việt-hán, một bộ từ-điển phong-thú chưa từng có trong văn-khố Việt-nam, dầy 400 trang, có chua chữ Hán

giá : 2p.80

Giấy bouffant hảo hạng 3p.80— Giấy bouffant bìa vải chữ vàng 5p 00 (Loại sách quý đẹp này có đánh số và có chữ ký cùng lời đề-tặng của ác-giả, dành riêng cho các bạn đặt mua trả tiền trước, các hiệu sách không bán.

BÁN GẦN HẾT

QUỐC-SỬ ĐÍNH-NGOA *Giá* 0p.50

NGƯỜI LỊCH THIỆP *Giá* 0p.65

Hai cuốn này được báo-giới trong nước nhiệt liệt hoan-nghênh, nên chỉ còn một số rất ít.

Thư và mandat mua sách gửi cho
M. LÊ-VĂN-HÒE
Giám đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ
16 bis, rue Tien Tsin—Hanoi

MỚI CÓ BÁN

GIÓ ĐƯA Giá 0$45

Tiểu-thuyết của Vị-Hồ

Có thêm phần phụ bài « Cái lối văn rườm rà mà trống rỗng đang nhiễu hai ở xứ này » để trả lời những ai đã công kích chúng tôi.

Còn một số rất ít :

Thằng Tuất *tiểu thuyết của Trần - mai-Ninh* Giá 0p 45

Nợ văn *của* Lãng-Tử Giá 0p 45

Tôi làm xiếc *giải thưởng* Việt-báo 1940 Giá 0p 38

SẮP CÓ BÁN

Trên đồi xim *của Nguyễn-khắc-Mẫn* Giá 0p.50

Bẽ bàng *tiểu-thuyết của Thế-Hùng* Giá 0p.45

Mỗi quyển đều có thêm phần phụ rất đứng đắn của nhà xuất-bản hoặc nghiên-cứu, phê-bình hay nghị-luận.

Nhà xuất - bản « TÂN-VIỆT »

Các bạn và các đại-lý muốn giao-thiệp xin cứ biên thư về
49, Rue de Takou — Hanoi

Khi nào chỗ ở mới sắp đặt xong sẽ tuyên bố lên báo

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant: Dương-Tu-Quan